

Số: 100/CBTT-VETVACO

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

Địa chỉ trụ sở chính: Km 18 Quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Điện thoại: 02433 861337 - Fax: 02433 861799 - Email:

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Tuấn Hùng

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/06/2021 tại đường dẫn: <http://www.vetvaco.com.vn>, mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HDQT;
- Lưu VT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Hùng

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2021

THƯ MỜI

V/v: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần thuốc Thú y trung ương VETVACO

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty với các nội dung sau:

1. Thời gian họp: từ 8 giờ 30 ngày 15 tháng 7 năm 2021

2. Địa điểm: Hội trường lớn trụ sở chính của công ty

Địa chỉ: Km18, Quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội.

3. Nội dung Đại hội

- Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT;
- Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của ban TGD;
- Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS;
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
- Tờ trình về trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2020;
- Tờ trình về việc phê duyệt, lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021;
- Tờ trình về quy chế tiền lương, quỹ tiền lương năm 2021 và thù lao của HĐQT, BKS công ty năm 2021;
- Thông qua điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH-14;
- Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi, bổ sung ;
- Thông qua Quy chế hoạt động của ban kiểm soát;
- Thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty Vetvaco;
- Thông qua Quy chế về công bố thông tin

4. Điều kiện tham dự Đại hội

- Tất cả các cổ đông của Công ty cổ phần thuốc Thú y trung ương Vetvaco tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 15/6/2021.

- Những cổ đông không thể dự họp ĐHCĐ có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự (theo mẫu gửi kèm).
Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác.

5. Đăng ký tham dự Đại hội

- Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự/ủy quyền bằng thư, fax trước 16h00 ngày 13/7/2021 theo địa chỉ:

Phòng Hành chính Quản trị - Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO
Địa chỉ: Km18, Quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội.
Tel: 024.33861337 - Fax: 024.33861799 - Email: vetvaco@vetvaco.com.vn

- Khi đến tham dự đề nghị quý cổ đông mang theo Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (theo mẫu gửi kèm) để làm thủ tục đăng ký tham dự đại hội.

6. Các tài liệu liên quan đến Đại hội

Chi tiết nội dung chương trình đại hội được đăng tải tại website công ty: www.vetvaco.com.vn từ ngày 22/6/2021.

Trân trọng kính mời!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công bố trên Website của Công ty;
- Lưu: HC, HĐQT.



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Thanh Long

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO

(Ngày 15 tháng 7 năm 2021)



THỜI GIAN	NỘI DUNG
8h - 8h30	Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông - Đón tiếp đại biểu, cổ đông; - Kiểm tra tư cách cổ đông và phát thẻ biểu quyết cho cổ đông.
8h30 - 9h00	Khai mạc Đại hội - Chào cờ, tuyên bố lý do; - Giới thiệu thành phần tham dự; - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông; - Thông qua nguyên tắc thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu; - Giới thiệu thông qua đoàn chủ tịch; - Đoàn chủ tịch chỉ định thư ký, Ban kiểm phiếu; Đại hội thông qua; - Thông qua chương trình đại hội; - Thông qua quy chế tổ chức đại hội.
9h00 - 11h30	Nội dung Đại hội - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT; - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của ban TGD; - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS; - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020; - Tờ trình về trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2020; - Tờ trình về việc phê duyệt, lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021; - Tờ trình về quy chế tiền lương, quỹ tiền lương năm 2021 và thù lao của HĐQT, BKS công ty năm 2021; - Thông qua điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung theo luật doanh nghiệp số 59/2020/QH-14;

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi, bổ sung ; - Thông qua Quy chế hoạt động của ban kiểm soát; - Thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty Vetvaco; - Thông qua Quy chế về công bố thông tin
11h30 - 12h	<p>Tổng kết Đại hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; - Thông qua biên bản họp Đại hội; - Bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua quy chế tổ chức đại hội - Thông qua chương trình đại hội - Đoàn chủ tịch chỉ định thư ký, Ban kiểm phiếu; Đại hội thông qua: - Giới thiệu thông qua đơn chủ tịch; - Thông qua nguyên tắc thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu; - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông; - Giới thiệu thành phần tham dự; - Chào mừng và tuyên bố lý do; - Khai mạc Đại hội 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua biên bản họp HĐQT, BKS; - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT, BKS; - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020; - Trình bày và trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2020; - Thông qua điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung theo luật doanh nghiệp số 2020/QH-14; - HĐQT, BKS công ty năm 2021; - Trình bày về quy chế tiền lương, phụ cấp lương năm 2021 và thu nhập của HĐQT, BKS công ty năm 2021; - Trình bày về việc phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021; - Trình bày và trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2020; - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020; - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS; - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban TGD; - Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của HĐQT; 	



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO
Trụ sở chính : Km18 QL32 xã Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội
Điện thoại: 024.33861337 Fax: 024.33861799
Email: vetvacojsc@gmail.com Website: www.vetvaco.com.vn
Mã số doanh nghiệp: 0500237656

**GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần thuốc thú y trung ương VETVACO**

Tên cổ đông: Mã cổ đông:
Người đại diện theo pháp luật (đối với cổ đông là tổ chức):
CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ CNĐKKD số
Cấp ngày..... Tại.....
Địa chỉ:
Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: cổ phần

Đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.

Tổ chức vào ngày: **15/7/2021**

Địa điểm: **Hội trường lớn, trụ sở chính công ty**

Địa chỉ: **Km18, Quốc lộ 32, Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội**

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2021

Chữ ký của cổ đông

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO

Trụ sở chính : Km18 QL32 xã Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội

Điện thoại: 024.33861337

Fax: 024.33861799

Email: vetvacojsc@gmail.com

Website: www.vetvaco.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0500237656

**GIẤY ỦY QUYỀN DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

**Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần thuốc thú y trung ương VETVACO**

1. Tên tôi là: Mã cổ đông:
Người đại diện theo pháp luật (đối với cổ đông là tổ chức):
CMND/ CCCD /Hộ chiếu/CNĐKKD số
Cấp ngày..... Tại.....
Địa chỉ:
Số cổ phần sở hữu: cổ phần
2. Ủy quyền cho (ông/bà):Mã cổ đông (nếu có):
CMND/ CCCD /Hộ chiếu/CNĐKKD số
Cấp ngày..... Tại.....
Địa chỉ:
Số cổ phần ủy quyền: cổ phần

Thay tôi dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.

Tổ chức vào ngày 15/7/ 2021

Địa điểm: Hội trường lớn, trụ sở chính công ty.

Địa chỉ: Km18, Quốc lộ 32, Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị trong buổi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của công ty.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chính các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2021

Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là pháp nhân)



SINCE 1956

THẺ BIỂU QUYẾT

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG
VET VA CO**

Họ và Tên: Nguyễn Văn A

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG

0001

SỐ CP BIỂU QUYẾT

1.000

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

NGUYÊN TẮC THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VETVACO sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/8/2015;
- Căn cứ vào nội dung làm việc của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Việc biểu quyết, kiểm phiếu thông qua các nội dung, tờ trình của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO theo nguyên tắc và thể lệ sau đây:

1. Mọi Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ thường niên công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO phải được biểu quyết công khai trực tiếp.
2. Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền tham dự kỳ họp có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền (nếu có).
3. Thể lệ biểu quyết: **Biểu quyết bằng cách đưa cao thẻ biểu quyết**

Khi đăng ký tham dự đại hội, Ban tổ chức sẽ cấp cho mỗi cổ đông, đại diện cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết; trên đó có ghi tên cổ đông, mã cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông đó và có đóng dấu của công ty.

Thẻ biểu quyết được sử dụng để biểu quyết các vấn đề sau:

- Thông qua thành phần đoàn Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu.
- Thông qua Nội dung đại hội.
- Thông qua Quy chế tổ chức đại hội.
- Thông qua Nghị quyết và Biên bản đại hội.

Việc biểu quyết các vấn đề trên tại đại hội được tiến hành bằng hình thức đưa cao thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số thẻ, tổng hợp kết quả và báo cáo cho đại hội.

Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ do ban tổ chức phát hành in sẵn theo mẫu và có đóng dấu của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.

Cách thức biểu quyết:

Chủ tọa đại hội sẽ yêu cầu cổ đông biểu quyết các nội dung bằng cách ngời tại chỗ và đưa cao thẻ biểu quyết: “Tán thành”, “Không tán thành”, “Có ý kiến khác”.

Như vậy theo sự điều kiện của chủ tọa:

- Lần 1: Cổ đông đưa cao thẻ tán thành.
- Lần 2: Cổ đông đưa cao thẻ không tán thành.
- Lần 3: Cổ đông đưa cao thẻ có ý kiến khác.

Sau mỗi lần biểu quyết, ban kiểm phiếu hoặc ban tổ chức sẽ ghi nhận tỷ lệ biểu quyết tương ứng với số cổ phần của cổ đông biểu quyết, tổng hợp kết quả biểu quyết và báo cáo cho đại hội.

Nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO và có hiệu lực ngay sau khi đại hội thông qua.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**



Phạm Thanh Long

(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2021

QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO

Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông.
- Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VETVACO sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/8/2015.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi là Đại hội) của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.
- Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của Cổ đông, người tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.
- Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ
CỦA CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tham dự Đại hội

Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự Đại hội có quyền trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

2. Quyền của Cổ đông khi tham dự Đại hội

- 2.1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO.



2.2. Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung chương trình Đại hội.

2.3. Tại Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi mã số cổ đông tham dự và số cổ phần có quyền biểu quyết) sau khi đăng ký tham dự họp Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

2.4. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

2.5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền khi tới dự họp Đại hội được thảo luận và tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung được nêu tại khoản 1 điều này.

2.6. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến dự họp Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội nhưng Đoàn chủ tịch Đại hội không có trách nhiệm dừng cuộc họp và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

3. Nghĩa vụ của Cổ đông khi tham dự Đại hội

3.1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội phải mang theo Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, giấy ủy quyền (nếu có) hoặc quyết định cử người đại diện phần vốn đối với cổ đông là tổ chức (đối với đại diện theo ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

3.2. Tuân thủ các quy định tại Quy chế này, sự điều khiển của Đoàn chủ tịch và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

4.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Kiểm tra tư cách Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông đến dự họp (kiểm tra chứng minh nhân dân, hộ chiếu, giấy ủy quyền).
- Phát thẻ biểu quyết cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.
- Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.

4.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

5. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch Đại hội

5.1. Đoàn chủ tịch gồm 01 Chủ tọa và một số Ủy viên do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

5.2. Quyết định của Đoàn chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

5.3. Đoàn chủ tịch tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

5.4. Bất cứ lúc nào Đoàn Chủ tịch có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ của công ty) mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.
- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

6. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký

6.1. Ban thư ký gồm 02 thành viên do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội thông qua.

6.2. Ban thư ký có trách nhiệm ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội; Dự thảo và trình bày trước Đại hội về Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

7. Ban kiểm phiếu

7.1. Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu và lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

7.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung để Chủ tọa thông báo trước Đại hội.

IV. CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có đa số cổ đông tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách để triệu tập cuộc họp tại Đại hội.

2. Cách thức tiến hành Đại hội

2.1. Cuộc họp Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày theo lịch cụ thể do Ban tổ chức Đại hội thông báo.

2.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.



3. Thông qua các quyết định của Đại hội

Các vấn đề được thông qua tại Đại hội phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp nhận.

4. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội

Tại Đại hội các cổ đông/ người đại diện được ủy quyền có thể phát biểu ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội và phải tuân thủ theo các nguyên tắc, điều kiện sau:

- Cổ đông/người đại diện được ủy quyền giữ thẻ biểu quyết khi muốn phát biểu ý kiến. Việc phát biểu ý kiến phải được chấp thuận của chủ tọa Đại hội.
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình Đại hội.
- Cổ đông không phát biểu lại các ý kiến đã được các cổ đông phát biểu trước đó và chỉ phù hợp với nội dung chương trình đại hội mới được ghi vào biên bản cuộc họp.

5. Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Ban thư ký ghi vào biên bản một cách đầy đủ và trung thực.

Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra nghị quyết của Đại hội

Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu theo quy định.

V. HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại quy chế này.

TM BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Thanh Long

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định, HĐQT xin báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021

Phần I: Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020

1. Tình hình hoạt động và hiện trạng chung của công ty

1.1. Thuận lợi:

- Công ty có bề dày hơn 60 năm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh vắc xin thú y.
- Được kế thừa từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước về nhà xưởng, trang thiết bị, quy trình sản xuất...
- Nhìn chung khách hàng vẫn tin tưởng và ủng hộ các sản phẩm của công ty.
- Công ty đã mở được thị trường mới ở phía Nam; các tỉnh Tây Nguyên; Trung nam bộ...

1.2. Khó khăn:

- Doanh số bán hàng của công ty vẫn bị phụ thuộc vào các mặt hàng vắc xin nhập khẩu (chiếm 70 - 80 % doanh số bán hàng).
- Doanh số bán hàng các năm:
 - Năm 2017: 182,5 tỷ đồng (Trong đó Vắc xin nhập khẩu = 137,8 tỷ đồng; Vắc xin sản xuất trong nước = 44,7 tỷ đồng)
 - Năm 2018: 227,6 tỷ đồng (Trong đó Vắc xin nhập khẩu = 179,6 tỷ đồng; Vắc xin sản xuất trong nước = 48 tỷ đồng)
 - Năm 2019: 183 tỷ đồng (Trong đó Vắc xin nhập khẩu = 113,4 tỷ đồng; Vắc xin sản xuất trong nước = 70,2 tỷ đồng)



- Năm 2020: : 223.727 tỷ đồng (Vắc xin nhập khẩu = 129.2 tỷ đồng; Vắc xin sản xuất tại công ty = 50,4 tỷ đồng; Thuốc sát trùng dự trữ quốc gia và kinh doanh = 44 tỷ đồng)
- Về dịch LMLM: xảy ra tại Việt Nam giai đoạn vừa qua đã có những sự thay đổi về dịch tễ cho nên loại vắc xin LMLM của công ty không còn phù hợp cho tiêm phòng chống dịch trên đàn lợn của cả Nước. Các công ty chăn nuôi lớn không sử dụng sản phẩm LMLM, chỉ cục thú y các tỉnh cũng không mua hàng vì dùng vắc xin tiêm phòng nhưng vẫn xảy ra dịch.
- Về dịch tả lợn châu Phi: Do tình hình dịch xảy ra trên cả Nước dẫn đến tổng đàn lợn giảm đáng kể. Khách hàng của công ty phần lớn là các chi cục thú y, đối tượng tiêm phòng hỗ trợ là các hộ chăn nuôi nhỏ, lẻ.
- Khi dịch bệnh xảy ra đàn lợn trong dân bị tiêu hủy, các chi cục thú y đã xây dựng kế hoạch tiêm phòng và mua vắc xin nhưng đàn Lợn trong dân không còn nên không triển khai tiêm phòng được. Dẫn đến vắc xin phải trả lại nhà sản xuất, hết hạn phải hủy.
Do tình hình dịch bệnh phức tạp người chăn nuôi không dám tái đàn dẫn đến lượng vắc xin sản xuất ra không bán được.
- Ngoài các khó khăn về dịch bệnh còn một số những khó khăn khác như:
 - Tiền thuê đất hàng năm cao khoảng 5 tỷ đồng/ năm.
 - Năng suất lao động thấp vì nhà xưởng, trang thiết bị quá cũ chưa thể tự động hóa được. Có những máy phục vụ chính cho sản xuất đã có thời gian hoạt động liên tục trên 20 năm, công suất nhỏ...
 - Đội ngũ cán bộ kỹ thuật được kế thừa từ doanh nghiệp nhà Nước nên sự năng động trong chuyên môn nghiệp vụ không cao. Cho nên chưa thể nghiên cứu cho ra những sản phẩm mới phù hợp với tình hình dịch bệnh trên đàn vật nuôi.
 - Đội ngũ cán bộ quản lý còn yếu kém, chưa có kinh nghiệm, cũng như chưa hết mình vì công việc của công ty.
 - Hiện tại có nhiều công ty đã được cấp phép sản xuất vắc xin thú y cho nên cạnh tranh ngày càng khốc liệt.
 - Chi phí bán hàng, giảm giá tăng cao do cạnh tranh giữa các công ty.

1.3. Một số chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh của công ty

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	89.856.352.387	87.941.582.531
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	18.400.593.851	41.016.471.854
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	0	0
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	34.031.921.250	32.326.238.425
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	35.361.624.656	13.573.942.342
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	2.062.212.630	1.024.929.910
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	41.924.795.426	37.850.254.170
1. Tài sản cố định	220-BCĐKT	41.415.020.759	37.850.254.170
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	41.415.020.759	37.855.773.614
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	0	0
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230-BCĐKT	0	0
2. Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT	0	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	0	0
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con.	251-BCĐKT	0	0



- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259-BCĐKT	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	509.774.667	0
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	72.871.995.241	62.975.742.851
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	96.332.146.438	61.637.821.110
Trong đó: Nợ quá hạn		0	0
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	1.187.168.935	1.187.168.935
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	58.909.152.572	62.816.093.850
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	58.909.152.572	62.816.093.850
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	36.000.000.000	36.000.000.000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác		15.875.553.115	17.951.126.073
V. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu: - Doanh thu thuần về b/hàng và cung cấp d/vụ	10-BCKQKD	183.381.290.499	223.655.322.457
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	190.651.701	71.603.795
- Thu nhập khác	31-BCKQKD		0
2. Tổng chi phí		175.339.402.654	212.629.977.514
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	8.232.539.546	11.096.948.738
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	6.573.831.994	8.625.775.398

II. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách:			
<i>Trong đó: các loại thuế</i>			11.345.451.698
- Thuế GTGT nội địa			1.606.184.542
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1.981.164.028
- Thuế Nhập khẩu			0
- Thuế TNDN			2.286.154.206
- Thuế TNCN			118.457.764
- Thuế đất			4.957.537.640
- Thuế khác			260.799.785
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	LNT trước thuế/CT410		17,67
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)			100
4. Tổng Quỹ lương			31.590.937.930
5. Số lao động bình quân			231
6. Tiền lương bình quân người/năm			136.757.307

1.4. Doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu cả năm 2020: 223.727 tỷ đồng (Kế hoạch: 150 tỷ) đạt 149,15% so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua.
- Lợi nhuận trước thuế: 8,642 tỷ đồng đạt (KH: 4,160 tỷ) = 207,74 % so với kế hoạch.

a) Doanh số các chủng loại sản phẩm năm 2020:

- Vắc xin nhập khẩu = 129.2 tỷ đồng
- Vắc xin sản xuất tại công ty = 50,4 tỷ đồng
- Thuốc sát trùng dự trữ quốc gia và kinh doanh = 44 tỷ đồng

500
 3 TỶ
 HÂN
 THỦ
 ƯỚN
 A C
 T.P.V

b) Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức, quỹ lương:

- Kế hoạch năm 2020 về các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua:
 - Tổng doanh thu : 150 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế : tối thiểu 5,2 tỷ đồng (LN sau thuế 4,16 tỷ đồng)
 - Tỷ lệ cổ tức : tối thiểu 11,6%
- Thực hiện năm 2020:
 - Doanh số: 223,655 tỷ đồng đạt 149 %
 - Lợi nhuận trước thuế: 11,096 tỷ đồng đạt 213,38 %
 - Tỷ lệ cổ tức: 14,7% đạt 126,7% (so với kế hoạch tối thiểu)
- Lợi nhuận sau thuế năm 2020: 8,626 tỷ đồng

Phân bổ các quỹ và cổ tức như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế): 2.587.733.000 đồng
- Quỹ khen thưởng (7% lợi nhuận sau thuế): 603.804.000 đồng.
- Quỹ Thưởng ban điều hành: 142.238.000 đồng
- Cổ tức chi trả (61,35% lợi nhuận sau thuế): 5.292.000.000 đồng
- Tỷ lệ cổ tức 14,7%: 1.470 đồng/cổ phiếu.
- Quỹ lương thực hiện năm 2020 cho người lao động, ban điều hành của công ty:
 - Tổng quỹ lương : 31,592 tỷ đồng/ 234 người.
 - Lương người lao động : 29,982 tỷ đồng/ 227 người.
 - Lương ban điều hành : 1,61 tỷ đồng/ 7 người

2. Đánh giá về hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc năm 2020

2.1. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị là một tập thể đoàn kết, hết lòng hết sức làm việc vì sự tồn tại và phát triển của công ty. HĐQT triển khai quyết liệt các nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua.
- Công tác chỉ đạo giám sát : Chỉ đạo và giám sát ban TGD tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của nghị quyết, quyết định của HĐQT công ty đến từng cán bộ quản lý phòng ban, phân xưởng.
- Lợi nhuận thực hiện, chia cổ tức hàng năm đều tăng trưởng.

- Thực hiện tốt chính sách đối với người quản lý, điều hành và người lao động trong công ty theo quy định của pháp luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà Nước, chống thất thoát, lãng phí.

2.2. Tổng giám đốc

- Tổng giám đốc cùng các phó tổng giám đốc là một tập thể năng động, sáng tạo, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và các quy chế, quy định quản trị nội bộ của công ty.
- Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh một cách tích cực, tìm hiểu thị trường, chăm sóc khách hàng, đưa ra các quyết định kịp thời nhằm đáp ứng yêu cầu thị trường.
- Trong năm vừa qua ban tổng giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành, hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao.

Phần II: Kế hoạch, phương hướng cho năm 2021

1. Định hướng chung

- Tập trung, chú trọng vào phát triển các sản phẩm vắc xin thú y là ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp. Đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, chủ động nghiên cứu hoặc hợp tác nghiên cứu các sản phẩm vắc xin mới để chủ động trong việc sản xuất cung ứng, không phải nhập khẩu.
- Tập trung, xúc tiến, hợp tác, giữ mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống và mở rộng thị trường.
- Hợp tác với các Viện nghiên cứu; các trường; các nhà khoa học; các quỹ để nghiên cứu đổi mới công nghệ sản xuất, phát triển các dòng sản phẩm mới.
- Hoàn thiện các dây chuyền sản xuất vắc xin đạt chuẩn GMP- WHO.
- Tăng cường tiếp thị bán hàng, đưa doanh số vắc xin sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ 50% - 70% so với doanh số bán hàng năm.
- Hợp tác nghiên cứu sản xuất thành công vắc xin Dịch tả lợn té bào, vắc xin LMLM, vắc xin cúm gia cầm...
- Sản xuất thêm các mặt hàng về chế phẩm sinh học và thức ăn bổ xung trong chăn nuôi.
- Chia tỷ lệ chia cổ tức hàng năm sẽ được đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Lương của người lao động đảm bảo.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lương, thưởng, thù lao cho năm 2021

- Kế hoạch nhiệm kỳ II cho năm 2021

- Doanh thu: 195 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 10 tỷ đồng
- Chia tỷ lệ cổ tức: 14%
- Kế hoạch thực tế cho năm 2021
 - Tổng doanh thu: 195 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế: 10 tỷ đồng
 - Tỷ lệ cổ tức: 14%
- Quỹ lương cho người lao động, ban điều hành của công ty

Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2021:

- Tổng quỹ lương : 32,076 tỷ đồng/ 234 người.
- Lương người lao động : 30,326 tỷ đồng/ 227 người.
- Lương ban điều hành : 1,75 tỷ đồng/ 7 người.

Về mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát áp dụng mức thù lao năm 2021 cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT : 3.000.000 đ/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000 đ/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 1.500.000 đ/tháng

3. Những tồn tại cần phải tái cơ cấu trong năm 2021 và những năm tiếp theo

3.1. Về chiến lược và kế hoạch đầu tư phát triển của doanh nghiệp

- Mục tiêu trọng tâm là chú trọng vào phát triển các sản phẩm vắc-xin thú y là ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp. Đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, chủ động nghiên cứu hoặc hợp tác nghiên cứu các sản phẩm vắc-xin mới để chủ động trong việc sản xuất cung ứng, không phải nhập khẩu.
- Ổn định kiện toàn bộ máy cán bộ chủ chốt và cán bộ kỹ thuật của công ty.
 - Chú trọng về việc đào tạo, khuyến khích người lao động, cán bộ kỹ thuật nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ. Bộ phận nào yếu thì sẽ phải mời chuyên gia về hướng dẫn đào tạo, chuyển giao.
 - Về cán bộ quản lý sẽ phải xây dựng chức năng nhiệm vụ từng vị trí, giao việc và đánh giá công việc được giao, tiến tới sẽ trả lương theo từng vị trí công việc.
 - Sẽ tập trung đánh giá lại toàn bộ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, yêu cầu phải học, nghiên cứu, thay đổi, hoàn thiện các quy trình sản xuất. Đưa công nghệ sản

xuất trên tế bào, tái tổ hợp vào áp dụng hoặc các công nghệ cô đặc, tinh sạch kháng nguyên... nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, làm những loại sản phẩm có thể dùng cho các trại chăn nuôi tập trung lớn.

- Thời gian tới sẽ xây dựng, rà soát định mức lao động trong các dây chuyền sản xuất, tiến tới sẽ trả lương theo công việc hoặc vị trí công việc.
- Hoàn thiện các dây chuyền sản xuất vắc-xin đạt chuẩn GMP-WHO.
- Năm 2020 công ty đã xây dựng phương án tái cơ cấu cho giai đoạn 2021-2025 và đã được chủ sở hữu 65% vốn thông qua. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn đã trình phương án tái cơ cấu của công ty lên Chính phủ. Tại phương án tái cơ cấu công ty có đề xuất sẽ tiến hành đầu tư xây dựng nhà máy mới tại khu công nghệ cao Hòa Lạc đạt chuẩn GMP-WHO.
- Nhưng việc xây dựng nhà máy mới chưa thể triển khai ngay được mà công ty thì vẫn phải duy trì hoạt động và phát triển. Hiện nay các công ty có cùng ngành nghề kinh doanh với công ty đã và đang đầu tư rất lớn về công nghệ sản xuất, để cho ra các sản phẩm vắc xin mới phục vụ cho ngành chăn nuôi, đáp ứng được với tình hình dịch bệnh hiện nay.

Ví dụ:

Công ty NAVETCO: Đã đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị để nghiên cứu, sản xuất thành công Vắc xin cúm gia cầm, Vắc xin Đại, một số các loại vắc xin kép khác. Họ cũng đang triển khai sản xuất vắc xin Dịch tả lợn châu phi, vắc xin u cục trên trâu bò, vắc xin Lở mồm long móng....

Công ty Hanvet đã sản xuất và đăng ký được vắc xin Đại và một số vắc xin đa giá...

Công ty RTD đã được chuyển giao và sản xuất thành công vắc xin Lở mồm long móng, họ đã đầu tư nhà xưởng đạt an toàn sinh học cấp 3. Họ đang hợp tác với đối tác Nước ngoài để sản xuất vắc xin LMLM tại Việt Nam.

Công ty trung ương 5 cũng đầu tư công nghệ, nhà xưởng, trang thiết bị để sản xuất các loại vắc xin đa giá và vắc xin thế hệ mới.

Tình hình chung của Việt Nam cũng như trên toàn thế giới nếu không đầu tư để nâng cấp nhà xưởng, trang thiết bị, công nghệ thì sẽ bị tụt hậu, không theo kịp sự phát triển chung. Sẽ ảnh hưởng lớn đến thương hiệu, thị trường và hơn 200 cán bộ công nhân viên của công ty.

3.2. Kế hoạch dự kiến cho năm 2021

- Tiến hành cải tạo nhà xưởng, trang thiết bị để đạt phòng nghiên cứu, sản xuất an toàn sinh học cấp 3.

Khi có nhà xưởng đạt an toàn sinh học cấp 3 chúng tôi sẽ có cơ sở để đăng ký nghiên cứu, sản xuất các chủng loại vắc xin có tính lây nhiễm cao trong chăn nuôi cũng như trong cộng đồng từ vật nuôi sang con người.

- Các chủng loại vắc xin dự kiến sẽ triển khai nghiên cứu sản xuất: Vắc xin Cúm gia cầm, vắc xin Đại, vắc xin Lở mồm long móng, vắc xin Dịch tả lợn châu Phi, Vắc xin Lép tái tổ hợp và một số vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi mới khác.
- Nhà xưởng, trang thiết bị đảm bảo sau này có thể di dời đến nhà máy mới được.
- Cải tạo, hoàn thiện các dây chuyền sản xuất đã được chứng nhận GMP-WHO, để cuối năm 2021 Cục thú y thẩm định cấp phép gia hạn chứng nhận.
- Hoàn thiện dây chuyền sản xuất thuốc dùng ngoài đạt tiêu chuẩn GMP (Đây là một lợi thế cạnh tranh trong việc đi đầu thầu).
- Cải tạo nhà xưởng để sản xuất các loại chế phẩm sinh học phục vụ trong chăn nuôi và thủy sản.

Trên đây là báo cáo về hình hình hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch, phương án hoạt động năm 2021.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Thanh Long

Số:/BC-VETVACO

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

Kính thưa Quý vị đại biểu khách

Kính thưa Quý cổ đông

Thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần thuốc thú y trung ương Vetvaco (Công ty Vetvaco), tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Vetvaco năm 2020 và kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

I. Tổng kết công tác SXKD của Công ty Vetvaco năm 2020

1. Đặc điểm tình hình chung

Thuận lợi

Công ty có bề dày truyền thống 65 năm về sản xuất vacxin thú y, với đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm sản xuất vacxin. Thương hiệu của Công ty có uy tín và được thị trường chấp nhận. Hệ thống phân phối của công ty có sẵn đến các chi cục chăn nuôi thú y các tỉnh, thành phố, trạm thú y các quận huyện. Sản phẩm đa dạng, chất lượng vacxin tốt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho vật nuôi.

Vetvaco là 1 trong 2 đơn vị được Boehringer chấp thuận cho phân phối vacxin LMLM và đại Rabisin tại Việt Nam. Đây là những vacxin có giá trị và dễ tiêu thụ trên thị trường.

Công ty có mặt bằng nhà xưởng rộng rãi, kang trang. Môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp.

Khó khăn

Tình hình dịch bệnh Covid-19 ngày càng diễn biến phức tạp ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như nguyên vật liệu khan hiếm, vận chuyển hàng hóa đi các tỉnh bị hạn chế, xuất nhập khẩu bị đình trệ...

Tình hình chăn nuôi gặp khó khăn, đặc biệt là chăn nuôi lợn bị ảnh hưởng do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi vẫn chưa được khống chế, lũ lụt nặng nề ở 6 tỉnh miền Trung,...

Cạnh tranh giữa các công ty sản xuất vacxin thú y ngày càng khốc liệt do các công ty đầu tư vào sản xuất các chủng loại mặt hàng cũng gần giống như của công ty, hệ thống bán hàng khách hàng đồng bộ từ cám, vacxin và thuốc. Nhiều mặt hàng truyền thống, có thế mạnh, nay chịu sự cạnh tranh khốc liệt như vacxin LMLM và vacxin đại chó mèo.



Hệ thống tiếp thị bán hàng chưa thực sự chuyên nghiệp, lực lượng nhân viên mỏng. Chi phí bán hàng ngày một tăng cao để cạnh tranh.

Hiện nay máy móc trọng yếu phục vụ sản xuất đã có tuổi đời rất lâu nên khó đảm bảo sản xuất thuận lợi trong những năm tiếp theo, đặc biệt khi máy hỏng thì phải dừng sản xuất và ảnh hưởng việc sản xuất kinh doanh thường nhật. Cụ thể: Phân xưởng siêu trùng có 02 máy đông khô đều sử dụng 13- 20 năm (1 máy sử dụng năm 2001, 1 máy sử dụng năm 2008), Phân xưởng vi trùng có 01 hệ thống lên men gồm D100 và C10 đều sử dụng từ năm 2001 (cả 2 model này hãng đã dừng sản xuất nên rất khó mua đồ thay thế). Đề nghị trong tương lai phải có kế hoạch đầu tư các máy trọng yếu này.

Công ty thừa lao động phổ thông, thiếu lao động có chuyên môn nghiệp vụ cao. Một số bộ phận người lao động chưa yêu nghề, không nhiệt huyết trong công việc,...

2. Về hoạt động sản xuất kinh doanh 2020

Năm 2020 là năm kinh doanh đầy khó khăn do tình hình chăn nuôi trên cả nước giảm mạnh, do cạnh tranh mạnh mẽ giữa các đối thủ và dịch bệnh hoành hành. Ban điều hành công ty đã cố gắng điều chỉnh các chính sách sản xuất kinh doanh cho phù hợp và đã đạt được kết quả cụ thể như sau:

Kết quả một số các chỉ tiêu chủ yếu như sau :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện 2020	So sánh TH/KH
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	150.000	223.655	149%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	5.200	11.096	213,38%
	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	4.160	8.625	207,3%
3	Cổ tức	%	11,6	14,7	126,7%

- Doanh thu: 223,655 tỷ đồng, đạt 149 % so với kế hoạch ĐHCĐ năm 2020.

- Lợi nhuận : 8,625 tỷ đồng, đạt 207,3% so với kế hoạch ĐHCĐ năm 2020.

- Vốn chủ sở hữu ngày 01/1/2020: 58.909.152.572 đồng.

- Vốn chủ sở hữu ngày 31/12/2020: 62.816.093.850 đồng.

- Lợi nhuận kế hoạch năm 2020: 5.200.000.000 đồng.

- Lợi nhuận thực hiện năm 2020: 11.096.948.738 đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận kế hoạch/ vốn chủ sở hữu bình quân năm 2020:

$$5.200.000.000/60.862.623.211 = 8,54\%$$

- Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/vốn chủ sở hữu bình quân năm 2020:

$$11.096.948.738 /60.862.623.211 = 18,23\%$$

Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn CSH thực hiện so với kế hoạch đạt 213,47 %.

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: 1,42 lần
- Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu: 1,0025 lần
- Công ty không có nợ quá hạn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
- Hệ số bảo toàn vốn (H):
 - + Thời điểm 01/01/2020 là: 58.909.152.572 đồng
 - + Thời điểm 31/12/2020 là: 62.816.093.850 đồng

$H = 62.816.093.850 / 58.909.152.572 = 1,07 > 1$; Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

Công tác quản lý, sử dụng và phân phối các nguồn lực: Công ty chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý vốn, tài sản được giao. Công ty hoạt động kinh doanh có lãi, vốn đầu tư được bảo toàn và phát triển.

3. Về tình hình tài chính

Báo cáo tài chính năm 2020 do Tổng giám đốc lập đã được kiểm toán và Ban Kiểm soát kiểm tra, xác nhận. Vì vậy có cơ sở để đánh giá về tính trung thực và hợp lý của các số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2020.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Báo cáo tài chính năm 2020.

4. Kết quả đạt được khác

Trong năm qua, Ban Tổng giám đốc đoàn kết, chủ động, sáng tạo trong công tác để thực hiện tốt vai trò điều hành, hoàn thành thắng lợi các nghị quyết, quyết định của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị công ty.

Mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19, dịch tả lợn Châu Phi diễn biến phức tạp, thiên tai, lũ lụt ở nhiều tỉnh thành, gây ra nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng Công ty vẫn cố gắng khắc phục, đảm bảo việc làm thường xuyên cho người lao động, cung cấp hàng hóa kịp thời cho khách hàng và đảm bảo kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo cán bộ chủ chốt để bố trí sản xuất hợp lý, tránh hư hao lãng phí. Thay đổi cách xây dựng kế hoạch sản xuất hợp lý, bám sát thị trường đã giúp giảm tối đa hàng hóa hết date, hàng tồn kho thấp, sản phẩm hư hao trong toàn quá trình sản xuất luôn thấp hơn 10%.

Các sản phẩm mới của Công ty được thị trường đón nhận tích cực như vacxin PRRS, vacxin nhị giá tụ-sal nhược độc đông khô kết hợp vacxin dịch tả lợn.

Công ty tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các vacxin mới đáp ứng nhu cầu thị trường như vắc xin vô hoạt nhị giá THT-E.coli gia cầm, THT-Phó thương hàn-Đóng dấu lợn,... Như vậy có thể thấy rằng công tác nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao vào sản xuất đã và đang đi đúng hướng, nâng cao hàm lượng khoa học trong sản phẩm vacxin của Công ty.

Về kinh doanh: Ban điều hành Công ty đã lấy lại thị trường miền bắc và miền trung, từng bước phát triển thị trường tại miền nam. Tăng cường công tác bán lẻ thúc đẩy kinh doanh của Công ty.

Đặc biệt Công ty luôn hoàn thành mọi nghĩa vụ với nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môi trường, tiền thuê đất, ...

Nghiêm túc chấp hành mọi quy định của pháp luật hiện hành về tài nguyên nước, chất thải nguy hại,... Năm 2020 Công ty đã áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001:2015 đây là cam kết mạnh mẽ của Công ty về thực hiện các quy định về tài nguyên môi trường.

Về việc chăm lo đời sống cho người lao động: không chỉ thúc đẩy sản xuất và kinh doanh, Ban Tổng giám đốc luôn chăm lo đời sống cho người lao động để họ yên tâm công tác và cống hiến. Cụ thể: bố trí nghỉ mát vào dịp hè, duy trì chế độ bồi dưỡng độc hại cho người lao động, chăm lo đời sống người lao động vào các dịp lễ tết, duy trì hoạt động thể thao văn hóa văn nghệ trong công ty,...

Về trách nhiệm xã hội: năm 2020, Công ty đã ủng hộ cho 6 tỉnh miền trung để ổn định sản xuất sau lũ lụt 1,1 triệu liều vacxin Lasota và 1,1 triệu liều vacxin Gumboro. Công ty cũng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý tại địa phương từ UBND Thành phố Hà Nội, UBND Huyện Hoài Đức, UBND xã Đức Thượng để tạo sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội tại địa phương.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Ban lãnh đạo Công ty nhận định năm 2021 sẽ tiếp tục là 1 năm vô cùng khó khăn do tình hình chăn nuôi trong nước gặp khó khăn, bệnh Dịch tả lợn Châu phi vẫn khó kiểm soát, Dịch bệnh Covid-19 xảy ra trên cả nước, lan rộng trên toàn cầu, cạnh tranh gay gắt giữa các Công ty sản xuất vacxin thú y,... Tuy nhiên Hội đồng quản trị thống nhất, Ban điều hành hoạt động ổn định, cổ đông và người lao động ủng hộ nên Công ty sẽ tìm ra chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp để thúc đẩy sản xuất kinh doanh đạt mục tiêu đề ra.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Tổng doanh thu: 195 tỷ đồng, trong đó:

+ Sản phẩm nhập khẩu: 80 tỷ đồng

+ Sản phẩm nội địa: 70 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 4,160 tỷ đồng

Chia cổ tức: 14,0%

2. Giải pháp thực hiện

*** Nhóm giải pháp về thị trường và tiêu thụ sản phẩm**

- Tăng cường công tác bán hàng và tiêu thụ sản phẩm. Cụ thể: Duy trì mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng là các chi cục chăn nuôi thú y các tỉnh, trạm thú y các huyện thị; tăng cường đầu tư phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm tại các Công ty chăn nuôi lớn như

Công ty CP, Jafa, Việt Pháp; hợp tác với các công ty thương mại để phân phối sản phẩm. Tìm kiếm và mở thêm các đại lý bán thuốc thú y lớn ở miền bắc trung nam để tiêu thụ các sản phẩm nội địa đặc biệt là vacxin gia cầm, vacxin trên lợn.

Xây dựng giá bán hợp lý cho các đại lý. Tăng cường hợp tác với các công ty theo hướng độc quyền sản phẩm theo từng liều cụ thể như hợp tác với Greenvet làm các vacxin trên vịt. Hướng tới sản xuất men vi sinh vật phục vụ chăn nuôi.

Tiếp tục tham gia đấu thầu để cung cấp hàng cho Chương trình 30A, Chương trình quốc gia phòng chống bệnh LMLM. Toàn quốc đang áp dụng đấu thầu điện tử thay cho đấu thầu trực tiếp, đây chính thách thức và cơ hội mới cho Công ty. Do đó việc tăng cường nguồn lực cho công tác đấu thầu điện tử trên toàn quốc là rất cần thiết. Cần nghiên cứu phương án thành lập công ty con (pháp nhân độc lập) hoặc hợp tác với các đối tác để tăng cường đấu thầu với giá bán linh hoạt.

Tăng cường sự ủng hộ của các Bộ ngành để mở rộng mặt bằng, thiết bị sản xuất để tăng ngân sách từ nguồn dự trữ quốc gia về vacxin thú y và thuốc sát trùng (tăng số lượng mua, tăng suất hàng dự trữ).

Tiếp tục chăm sóc khách hàng để giữ vững thị trường các tỉnh miền Bắc, Trung, phát triển thị trường miền Nam và Lào (mới mở rộng cuối năm 2019).

Năm 2021, quyết tâm đưa vacxin LMLM vào lại Công ty CP và một số công ty chăn nuôi khác.

*** Nhóm giải pháp về sản xuất**

Tập trung nghiên cứu và đưa vào sản xuất các vacxin đa giá, vacxin liều lớn, hạn chế sản xuất vacxin liều nhỏ với giá bán thấp. Tăng cường công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất vacxin tái tổ hợp.

- Quản lý, xây dựng định mức lao động và định mức vật tư nhằm giảm chi phí sản xuất
- Quản lý sản xuất chặt chẽ, hạn chế hỏng huy. Phối hợp nhịp nhàng giữa kế hoạch và thực hiện sản xuất, tránh tình trạng thừa hàng hoặc thiếu hàng.

- Áp dụng các tiêu chuẩn GMP, tiêu chuẩn ngành đối với các đơn vị sản xuất, phòng kiểm nghiệm và kho. Năm 2021 sẽ tái đăng ký thành công Nhà máy GMP-WHO theo đúng hướng dẫn Thông tư 13.

- Cải tạo dây chuyền nước pha tiêm theo tiêu chuẩn GMP-WHO.
- Khảo sát nghiên cứu Phòng an toàn sinh học cấp 3 để đáp ứng đủ điều kiện nghiên cứu, sản xuất vacxin LMLM (nội địa), Cúm gia cầm, dại (nội địa),...
- Đảm bảo 100% sản phẩm xuất xưởng đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành.
- Đảm bảo sản xuất và kiểm nghiệm vacxin của BI đạt tiêu chuẩn.

37656
IA NỘI *

* Nhóm giải pháp về công nghệ

Tiến hành phối hợp với các chuyên gia trong nước để sớm nghiên cứu và đưa vào sản xuất vaccin dịch tả lợn tế bào hoặc DTL tái tổ hợp, vaccin 03 bệnh Tụ - Phó - Đóng dấu Lợn nhược độc đông khô, vaccin nhược độc ND-IBD gà, vaccin nhược độc ND-IB gà, vaccin nhược độc ND-IBD-IB gà, vaccin vô hoạt Parvo trên chó,... để đảm bảo cạnh tranh.

Cải tiến một số quy trình sản xuất vaccin cho hiệu quả cao hơn.

Từng bước nghiên cứu sản xuất men vi sinh.

Năm 2021 và các năm tiếp theo sẽ hợp tác với các cơ quan nhà nước và các chuyên gia kỹ thuật để từng bước nghiên cứu vaccin nội địa thay thế dần vaccin nhập khẩu.

* Nhóm giải pháp về tài chính

Quản lý chặt chẽ tài sản, tiền vốn, đầu tư và tồn kho. Xây dựng qui chế lương, thưởng phù hợp để khuyến khích người lao động làm việc. Đặc biệt là thưởng cho các tập thể cá nhân nghiên cứu thành công vaccin mới. Thất chặt tối đa việc chi tiêu nội bộ, thực hiện tiết kiệm trong sản xuất, tiếp khách, điều động nhân lực hợp lý, kịp thời để tận dụng tối đa nhân công tại những đơn vị ít kế hoạch.

Tổ chức hoạt động hệ thống kế toán theo đúng quy định, đảm bảo hoạt động tài chính lành mạnh trong Công ty.

* Nhóm giải pháp về hợp tác với BI

Hiện nay, Đối tác Merial (BI) đang có những thay đổi về cơ cấu tổ chức, bên cạnh đó chất lượng vaccin LMLM type O đang phải làm thử nghiệm lại nên đội ngũ kỹ thuật và marketing của Vetvaco cần tăng cường nắm bắt thông tin để kịp thời ứng phó tình hình khó khăn.

Tiếp tục đàm phán với Merial (BI) để giữ giá nhập khẩu tốt nhất với vaccin LMLM sau khi nâng cao vaccin LMLM lên 6PD50.

Phối hợp trực tiếp với BI-VPH (Lyon) để triển khai những nghiên cứu mới đối với virut LMLM thực địa tại Việt Nam.

Trên đây là Báo cáo SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021, rất mong nhận được sự ủng hộ của quý cổ đông và đề nghị Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKST;
- Ban giám đốc
- Lưu HC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Hùng

BỘ NN VÀ PTNT
CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y
TW VETVACO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:05.../BC-BKS

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2006 và Điều lệ Công ty Cổ phần Công ty cổ phần thuốc thú y Trung Ương Vetvaco sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHCĐ thông qua ngày 29/8/2015;

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Ban Kiểm Soát trân trọng báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ Đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, tình hình tài chính Công ty năm 2020 và công tác quản lý Công ty của Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc trong năm 2020 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2020

Trong năm 2020, Ban Kiểm Soát đã thực hiện:

1. Giám sát hoạt động của công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty.

2. Tham gia 100% các buổi họp của HĐQT về kế hoạch kinh doanh và đánh giá tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.

3. Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ và các yêu cầu của tổ chức kiểm toán độc lập.

4. Tổ chức các cuộc họp định kỳ để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

5. BKS đã tiến hành kiểm soát độc lập hoạt động của công ty:

- Chấp hành và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
- Quy trình, quy định quản lý nội bộ của công ty;
- Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2020.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được ĐHCĐ giao; đối với cổ đông, Ban kiểm soát không



nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của công ty về điều hành của HĐQT và Ban giám đốc.

II. Tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020

Bảng 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(ĐVT: đồng)

STT	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối kỳ
1	Tổng tài sản	131.781.147.813	125.791.836.701
1.1	Tài sản ngắn hạn	89.856.352.387	87.941.582.531
1.2	Tài sản dài hạn	41.924.795.426	37.850.254.170
2	Tổng nguồn vốn	131.781.147.813	125.791.836.701
2.1	Nợ phải trả	72.871.995.241	62.975.742.851
2.2	Nguồn vốn CSH	58.909.152.572	62.816.093.850

(Số liệu theo BC Kiểm toán năm 2020 được Phòng Tài chính kế toán của công ty cung cấp)

Bảng 2: KẾT QUẢ KINH DOANH

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng doanh thu: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	183.381.290.499	223.655.322.457
1.1	Doanh thu hoạt động tài chính	190.6351.701	71.603.795
1.2	Thu nhập khác	0	0
2	Tổng chi phí	175.339.402.654	212.629.977.514
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.232.539.546	11.096.948.738
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.573.831.994	8.625.775.398

(Số liệu theo BC Kiểm toán năm 2020 được Phòng Tài chính kế toán của công ty cung cấp)

- Doanh thu cả năm 2020: 223.727 tỷ đồng đạt 149,15% so với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua (KH: 150 tỷ).

- Lợi nhuận trước thuế: 8,642 tỷ đồng đạt 207,74 % so với kế hoạch (KH: 4,160 tỷ).

III. Nhận xét về công tác quản lý Công ty của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2020

1. Năm 2020, HĐQT đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2020, HĐQT tiếp tục có những hoạt động tích cực và hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám Đốc và Ban điều hành để đưa

ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IV. Nhận xét về công tác điều hành Công ty của Tổng Giám Đốc trong năm 2020

1. Cùng với Ban điều hành, Tổng Giám Đốc Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của HĐQT và Đại Hội Đồng Cổ Đông, thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.

2. Ban điều hành có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động, tích cực trong tìm kiếm công việc, chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên.

3. Ban điều hành Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp để bàn việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót.

V. Kết luận

1. Các hoạt động của Công ty trong năm 2020 về cơ bản tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

2. Trong năm 2020, Ban Kiểm soát chưa tìm thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần thuốc Thú y Trung Ương Vetvaco. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- HĐQT
- Thành viên BKS
- Lưu



Bùi Tuấn Anh

Hà Nội, ngày 14. tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO**

Tôi tên là: Nguyễn Tuấn Hùng - Tổng Giám đốc

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/8/2015;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 25/5/2021;
- Căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty Vetvaco (đã được kiểm toán).

Tôi xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty (đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban giám đốc;
- Lưu HC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Hùng

TỜ TRÌNH
V/v Phê duyệt tổ chức kiểm toán năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH-14;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc Thú y Trung ương VETVACO sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/8/2015.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thuốc Thú y trung ương Vetvaco kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đơn vị kiểm toán năm 2021 như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2021 của Công ty cổ phần thuốc Thú y trung ương Vetvaco;
2. Đơn vị kiểm toán là một trong các công ty có trong danh sách được phép kiểm toán công ty đại chúng, công ty niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận./.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Bùi Tuấn Anh

Số : 09./TTr-VETVACO

Hà Nội, ngày ..14 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021,
trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHĐCĐ thông qua ngày 29/8/2015;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 25/5/2020;
- Căn cứ theo kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm (Nhiệm kỳ II, 2019-2024);
- Căn cứ tình hình thực tế của Công ty.

Tôi xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 công ty cổ phần Thuốc Thú y trung ương Vetvaco thông qua “Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2020”:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Tổng doanh thu : 195 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : tối thiểu 10 tỷ đồng
- Tỷ lệ cổ tức : tối thiểu 14%

2. Trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2020:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2020 : 8.625.775.000 tỷ đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển (30%) : 2.587.733.000 đồng
- Trích quỹ khen thưởng (7%) : 603.804.000 đồng
- Trích quỹ thưởng người quản lý (1,5 tháng lương bình quân) : 142.238.000 đồng
- Chia Cổ tức năm 2020 (61,35%) : 5.292.000.000 đồng
- Lợi tức/ Cổ phiếu : 1.470 đồng/ cổ phiếu

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban giám đốc;
- Lưu HC



T/M CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tuấn Hùng

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án về tiền lương, chế độ thù lao,
tiền thưởng của Công ty năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO**

- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO đã được sửa đổi và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 29 tháng 08 năm 2015;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 25/5/2021;
- Căn cứ tình hình thực tế.

1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020:

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của Người lao động trong công ty năm 2020 : 29,982 tỷ đồng
- Tổng quỹ lương và thù lao thực hiện của Người quản lý công ty năm 2020 : 1,61 tỷ đồng

2. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, doanh thu là 195 tỷ đồng, lợi nhuận tối thiểu 10 tỷ đồng, Hội đồng quản trị xin trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần thuốc Thú y trung ương Vetvaco thông qua Phương án về tiền lương, chế độ thù lao, tiền thưởng của Công ty năm 2021 như sau:

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của Người lao động trong công ty năm 2021 : 30,326 tỷ đồng
- Tổng quỹ lương và thù lao kế hoạch của Người quản lý công ty năm 2021 : 1,75 tỷ đồng

3. Chế độ thù lao năm 2021:

- Thù lao thành viên HĐQT : 3.000.000 đồng/ tháng
- Thù lao Trưởng BKS : 3.000.000 đồng/ tháng
- Thù lao thành viên BKS : 1.500.000 đồng/ tháng

Trân trọng kính trình!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Thanh Long

Hà Nội, ngày 14.. tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2010/QH14 ngày 26/11/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/2010/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2010/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc Sửa đổi và ban hành toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Quý cổ đông;
- Lưu HC

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



**CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Thanh Long**

CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO
Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Website: www.vetvaco.com.vn



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 2, ngày/5/2021)

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3. Loại hình doanh nghiệp và luật điều chỉnh chung.....	3
Điều 4. Tên, biểu trưng, trụ sở, Chi nhánh, văn phòng đại diện, thời gian hoạt động của Công ty.....	4
Điều 5. Ngành nghề kinh doanh của Công ty.....	5
Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	5
Điều 7. Con dấu của Công ty.....	5
Điều 8. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty.....	6
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY	6
Điều 9. Vốn điều lệ.....	6
Điều 10. Cổ phần.....	7
Điều 11. Cổ đông.....	8
Điều 12. Quyền hạn của cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông.....	14
Điều 15. Chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác.....	15
Điều 16. Cấp cổ phiếu.....	16
Điều 17. Chào bán cổ phần.....	17
Điều 18. Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần.....	18
Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông và theo quy định của công ty.....	20
Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại.....	22
CHƯƠNG III. BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY ...	22
Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát công ty.....	22
I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	23
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông.....	23

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ.....	24
Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ	26
Điều 26. Chương trình và nội dung của cuộc họp ĐHĐCĐ.....	27
Điều 27. Mời họp ĐHĐCĐ	27
Điều 28. Quyền dự họp ĐHĐCĐ	29
Điều 29. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ.....	30
Điều 30. Thể thức, điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ	30
Điều 31. Hình thức, điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ	32
Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ	33
Điều 33. Biên bản họp ĐHĐCĐ	35
Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.....	36
Điều 35. Hiệu lực các nghị quyết của ĐHĐCĐ.....	37
II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	37
Điều 36. Những quy định chung	37
Điều 37. Bầu thành viên HĐQT.....	38
Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ HĐQT	39
Điều 39. Chủ tịch HĐQT	41
Điều 40. Cuộc họp HĐQT	42
Điều 41. Chế độ làm việc của HĐQT	45
Điều 42. Quyền và nhiệm vụ của thành viên HĐQT	45
Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT.....	46
III. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC	47
Điều 44. Những quy định chung về Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc.....	47
Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	49
Điều 46. Nghĩa vụ của người quản lý công ty.....	50
Điều 47. Các quy định khác	52
Điều 48. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	53

IV. BAN KIỂM SOÁT.....	53
Điều 49. Những quy định chung.....	53
Điều 50. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	55
Điều 51. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.....	57
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát.....	57
Điều 53. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát.....	58
Điều 54. Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát.....	58
Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	59
Điều 56. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	59
CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA	
QUẢN LÝ CÔNG TY.....	60
Điều 57. Quản lý lao động.....	60
Điều 58. Người lao động tham gia quản lý Công ty.....	60
Điều 59. Nội dung tham gia quản lý và nghĩa vụ của người lao động.....	61
CHƯƠNG V. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH CỦA CÔNG	
TY.....	61
Điều 60. Công ty con, công ty liên kết, liên doanh.....	61
Điều 61. Quan hệ giữa Công ty với các Công ty con (thành lập mới).....	61
Điều 62. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên kết.....	62
Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên doanh.....	62
CHƯƠNG VI. ĐẦU TƯ VỐN VÀ QUẢN LÝ PHẦN VỐN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ	
TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY LIÊN DOANH.....	62
Điều 64. Vốn Công ty đầu tư ở công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh (nếu có).....	62
Điều 65. Quản lý phần vốn góp của Công ty góp vào các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh (nếu được thành lập).....	63
Điều 66. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh (nếu có).....	63
Điều 67. Quyền, nghĩa vụ và quyền lợi của đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.....	64

CHƯƠNG VII. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	66
I. QUYỀN CỦA CÔNG TY	66
Điều 68. Các quyền cơ bản của Công ty	66
Điều 69. Quyền quản lý và sử dụng các nguồn lực	67
Điều 70. Quyền tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh.....	67
Điều 71. Quyền quản lý tài chính	68
Điều 72. Các nghĩa vụ cơ bản của Công ty	68
Điều 73. Nghĩa vụ quản lý và sử dụng các nguồn lực	69
Điều 74. Nghĩa vụ quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh	69
Điều 75. Nghĩa vụ đối với Nhà nước.....	70
Điều 76. Các nghĩa vụ khác.....	70
CHƯƠNG VIII. CHẾ ĐỘ LƯU DỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY, QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY	70
Điều 77. Chế độ lưu dữ tài liệu của Công ty.....	70
Điều 78. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ	71
CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, LẬP CÁC QUỸ, TRẢ CỔ TỨC	71
Điều 79. Trách nhiệm về tài chính.....	71
Điều 80. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận	72
Điều 81. Lập các quỹ tại Công ty.....	73
Điều 82. Nguyên tắc trả cổ tức.....	74
CHƯƠNG X. BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ CÔNG BỐ RA CÔNG CHÚNG	75
Điều 83. Báo cáo hàng năm	75
Điều 84. Công khai thông tin của Công ty.....	76
CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	76
Điều 85. Kiểm toán Công ty	76
CHƯƠNG XII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	77
Điều 86. Giải quyết tranh chấp nội bộ	77
CHƯƠNG XIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ PHÁ SẢN	77
Điều 87. Tổ chức lại, giải thể Công ty	77

Điều 88. Tổ chức lại, giải thể Công ty con (nếu có) do Công ty quyết định thành lập và đầu tư toàn bộ vốn điều lệ.....	78
Điều 89. Phá sản	78
<i>CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</i>	78
Điều 90. Phạm vi áp dụng	78
Điều 91. Sửa đổi, bổ sung điều lệ.....	78
Điều 92. Hiệu lực thi hành.....	78

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Bản Điều lệ này là văn kiện cơ bản quy định về các vấn đề liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vetvaco. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người quản lý khác, cùng toàn thể người lao động của Công ty phải có trách nhiệm tôn trọng và thực hiện Điều lệ này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. Luật doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
2. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
3. Công ty là CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO.
4. Điều lệ Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động của CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO.
5. Vốn điều lệ của Công ty là vốn do các cổ đông góp và được ghi tại Điều lệ CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO.
6. Doanh nghiệp khác là doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp.
7. Quyền chi phối là quyền quyết định hoặc tác động của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương VET VA CO đến các công ty con về điều lệ hoạt động, nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy quản lý, thị trường tiêu thụ, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các vấn đề quan trọng khác được quy định tại Điều lệ của công ty con và quy định của pháp luật (nếu Công ty cổ phần thành lập công ty con).
8. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty là hoạt động đầu tư vốn của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet va co đầu tư vào các doanh nghiệp khác theo các hình thức quy định của pháp luật.
9. Hội đồng quản trị là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet va co.

10. Ban kiểm soát là Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet và co.
11. Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet và co .
12. Người quản lý của Công ty là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Tài chính kế toán của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet và co.
13. Người đại diện phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác là người được Công ty ủy quyền đại diện phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên góp vốn hoặc cổ đông.
14. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
 - d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
 - e) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
 - g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, e và f khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

15. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;
16. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
17. Lợi tức đầu tư là lợi tức nhận được từ các hoạt động đầu tư của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet va co.
18. Giám sát doanh nghiệp là việc theo dõi kiểm tra doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, hoạt động công ích, chấp hành chính sách pháp luật.
19. Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lời.
20. Pháp luật là các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang có hiệu lực thi hành

Điều 3. Loại hình doanh nghiệp và luật điều chỉnh chung

1. Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet va co (sau đây gọi là Công ty) được chuyển đổi từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp 100% vốn nhà nước (Xí nghiệp Thuốc thú y Trung ương).

Công ty có:

- a) Tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, hạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh, có con dấu riêng, mở tài khoản tại các ngân hàng trong nước, ngoài nước, tại các quỹ và các tổ chức tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật.
 - b) Điều lệ tổ chức và hoạt động, bộ máy quản lý và điều hành.
 - c) Vốn, tài sản riêng; chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.
 - d) Kinh doanh các ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
 - e) Sử dụng hệ thống báo cáo tài chính của Bộ Tài chính ban hành, lập các quỹ tập trung theo quy định tại Điều lệ này phù hợp với qui định của pháp luật.
2. Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật

doanh nghiệp và quy định của luật chuyên ngành về cùng một vấn đề thì áp dụng theo quy định của luật chuyên ngành.

Điều 4. Tên, biểu trưng, trụ sở, Chi nhánh, văn phòng đại diện, thời gian hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VET VA CO

- Tên viết bằng tiếng Anh:

VETVACO NATIONAL VETERINARY JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: **VETVACO., JSC**

2. Biểu tượng của Công ty:

- Logo:



- Website: vetvaco.com.vn

- Email: vetvaco@vetvaco.com.vn

- Mã số thuế: 0500237656

3. Địa chỉ trụ sở chính tại:

- Km18 Quốc lộ 32, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02433.861.337 - Fax:02433.861.799

4. Chi nhánh và văn phòng đại diện: Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Liên doanh: Công ty có thể thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khi được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

6. Thời hạn hoạt động của Công ty: bắt đầu từ ngày thành lập và không xác định thời hạn chấm dứt hoạt động.

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

1. Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu dùng trong thú y

Chi tiết: sản xuất, xuất nhập khẩu thuốc thú y, thú y thủy sản, chế phẩm sinh học dùng trong thú y, thủy sản.

2. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

Chi tiết: bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị y tế.

3. Hoạt động phục vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

4. Các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.
2. Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.
3. Hội đồng quản trị ban hành qui chế phân công, phân nhiệm cụ thể đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Công ty phải đảm bảo luôn có ít nhất một (01) người đại diện theo pháp luật của Công ty cư trú tại Việt Nam.

Điều 7. Con dấu của Công ty

1. Công ty có từ một (01) đến hai (02) con dấu. Hội đồng quản trị quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty
2. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại Phòng Hành chính Công ty. Trường hợp bắt buộc phải đem ra ngoài trụ sở chính của Công ty phải có ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Công ty.
3. Chỉ có nhân viên văn thư của Công ty mới được giữ con dấu của Công ty. Nhân viên Văn thư do Tổng giám đốc Công ty bổ nhiệm.

4. Nhân viên Văn thư chỉ được sử dụng con dấu để đóng dấu vào các văn bản của Công ty có chữ ký của các chức danh sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị và người được Chủ tịch ủy quyền ký văn bản;
 - b) Tổng giám đốc và người được Tổng giám đốc ủy quyền ký văn bản;
 - c) Trưởng ban Kiểm soát của Công ty;
 - d) Việc phân cấp, ủy quyền ký văn bản nêu tại điểm a, b khoản 4 điều này phải được thể hiện bằng văn bản, phù hợp với nhiệm vụ được phân công.
5. Hội đồng quản trị ban hành qui chế bảo quản và sử dụng con dấu của Công ty.

Điều 8. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ...) trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.
2. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY

Điều 9. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là tổng giá trị mệnh giá của số cổ phần đã phát hành, các cổ đông đã thanh toán đủ cho Công ty và được ghi vào Điều lệ Công ty. Vốn điều lệ được đóng góp bằng tiền Việt Nam hoặc bằng hiện vật được định giá theo một đơn vị thống nhất là đồng Việt Nam.
 - a) Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng Việt Nam)
 - b) Cơ cấu vốn điều lệ:
 - Cổ phần Nhà nước: 65% vốn điều lệ
 - Cổ phần của tổ chức công đoàn trong Công ty: 1%
 - Cổ phần của người lao động trong Công ty và của các nhà đầu tư khác: 34%

Khi có sự thay đổi vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì Điều khoản này sẽ mặc nhiên được sửa đổi theo nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đó.

2. Việc tăng vốn điều lệ của công ty cổ phần phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ được sử dụng vào mục đích kinh doanh của Công ty; ngoài ra có thể sử dụng vào mục đích khác khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, hoặc trong trường hợp thích hợp được Hội đồng quản trị của Công ty phê chuẩn theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ này.
4. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới mọi hình thức (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường quyết định sửa đổi Điều lệ nhằm thu hẹp quy mô sản xuất).

Điều 10. Cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành các phần bằng nhau gọi là cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 36.000.000.000 đồng (Ba mươi sáu tỷ đồng) được chia thành 3.600.000 phần, mỗi phần tương ứng với một cổ phần và có mệnh giá là 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng Việt Nam).
2. Có hai loại cổ phần chính là cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Trong cổ phần ưu đãi có cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ Công ty quy định.
 - 2.1. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được ưu đãi trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
 - 2.2. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần được ưu đãi có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông. Số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ Công ty quy định.
 - 2.3. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công ty ưu đãi hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu kèm theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.

- 2.4. Cổ phần ưu đãi khác là cổ phần người lao động mua thêm, có số phiếu biểu quyết như cổ phần phổ thông.
3. Tất cả cổ phần của Công ty phát hành vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phải phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết.
6. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 11. Cổ đông

1. Cổ đông là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty.
2. Cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần ưu đãi loại nào gọi là cổ đông ưu đãi loại đó.
3. Trừ những tổ chức, cá nhân không được phép mua cổ phần theo quy định của pháp luật, còn lại bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng có thể mua cổ phần của Công ty và trở thành cổ đông Công ty. Một tổ chức, cá nhân có thể sở hữu một hoặc các loại cổ phần được Công ty phát hành sau lần phát hành đầu tiên.
4. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã nộp đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
5. Công ty không có cổ đông sáng lập.

Điều 12. Quyền hạn của cổ đông

1. Quyền của Cổ đông phổ thông

Trong phạm vi Điều lệ này, cổ đông phổ thông là cổ đông có quyền biểu quyết. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết.

- 1.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- 1.1.1. Được quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này; được chất vấn, kiến nghị về các quyết định, hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
 - 1.1.2. Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp và loại cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.1.3. Được ưu tiên mua cổ phần khi Công ty phát hành thêm cổ phần tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
 - 1.1.4. Được thừa kế, tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp quy định tại mục 1.1; 1.2; 1.3 khoản 1 điều 18 của Điều lệ này và phù hợp với quy định của Pháp luật.
 - 1.1.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - 1.1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - 1.1.7. Được chia tài sản còn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ cho các chủ nợ và cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có).
 - 1.1.8. Được uỷ quyền cho người khác tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Người được uỷ quyền phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không được uỷ quyền lại cho người khác.
 - 1.1.9. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 1.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:
 - 1.2.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.
- c) Đã quá thời hạn Đại hội cổ đông thường niên theo qui định nhưng không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận gia hạn mà Hội đồng quản trị không triệu tập và tổ chức Đại hội.

Việc yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp nêu trên phải được lập thành văn bản và phải có đầy đủ các nội dung sau:

- Các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông: Họ tên, Địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- Số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông;
- Tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty;
- Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

1.2.2. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

1.2.3. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông: Họ tên, Địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
- b) Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông;

c) Tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty;

d) Vấn đề cần kiểm tra, mục đích cần kiểm tra.

1.2.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

1.2.5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, theo tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng:

- 10% < Số cổ phần < 30%: được đề cử 01 người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 30% < Số cổ phần < 50%: được đề cử 02 người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Số cổ phần > 50%: trở lên được đề cử 03 người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.3 khoản 1 điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử. Khi đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu là 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công

ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Quyền của cổ đông ưu đãi (nếu có)

- 2.1. Quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức: cổ đông ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; được nhận cổ tức ưu đãi theo mức quy định tại mục 2.1 khoản 2 điều 10 Điều lệ này và còn lại được hưởng các quyền khác như cổ đông phổ thông.
- 2.2. Quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại: cổ đông ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; được quyền ưu đãi hoàn lại vốn theo quy định tại mục 2.3 khoản 2 điều 10 Điều lệ này và được hưởng các quyền khác như cổ đông phổ thông.
- 2.3. Quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết: cổ đông ưu đãi biểu quyết có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết được quy định tại Điều lệ Công ty. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn ba năm cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập được chuyển thành cổ phần phổ thông. Không được chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác; còn lại được hưởng các quyền khác như cổ đông phổ thông.

3. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật

Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời gian sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, cổ đông;
- b) Số lượng người đại diện theo uỷ quyền, số lượng và tỷ lệ cổ phần, vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo uỷ quyền;

- c) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền.
- d) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền.
- e) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và của người đại diện uỷ quyền ;

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có trách nhiệm và nghĩa vụ:

1. Góp đủ số vốn theo số cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục, thời gian đã quy định của Công ty.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó, người đại diện theo pháp luật của Công ty và những người đồng ý cho cổ đông đó rút vốn cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
3. Tuyệt đối chấp hành Điều lệ Công ty, các Nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy chế quản lý nội bộ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.
4. Chịu trách nhiệm về số nợ, số lỗ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi đó.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Chịu trách nhiệm bồi thường vật chất do vi phạm Điều lệ này hoặc các vi phạm khác làm tổn thất tài sản, uy tín, danh dự của Công ty.

7. Phát hiện những vi phạm pháp luật, chế độ chính sách Nhà Nước của các thành viên trong Công ty và chịu trách nhiệm về phát hiện của mình.
8. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật.
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn dẫn đến tài chính của Công ty gặp khó khăn.
9. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan.

Cổ đông ưu đãi có nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, ngoài ra có những nghĩa vụ khác theo quy định tại điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Khi Điều lệ có hiệu lực, bất kỳ đối tượng nào là cổ đông của Công ty thì coi như đã tán thành toàn bộ nội dung Điều lệ này và từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Điều lệ này với bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty có trách nhiệm lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông tại trụ sở Công ty từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông phải được lập thành văn bản và có thể là tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, trụ sở chính của Công ty;

- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Những thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như quy định tại điểm a tiết 1.2.3, mục 1.2, khoản 1 điều 12 Điều lệ này;
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ giao dịch thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ giao dịch của cổ đông.

Điều 15. Chứng chỉ cổ phiếu, chứng chỉ chứng khoán khác

1. Chứng chỉ cổ phiếu

- 1.1. Cổ phiếu là một loại chứng chỉ có giá do Công ty phát hành để xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- 1.2. Người sở hữu cổ phiếu là cổ đông Công ty; người sở hữu cổ phiếu của cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông; người sở hữu cổ phiếu của cổ phần ưu đãi là cổ đông ưu đãi.
- 1.3. Cổ phiếu của Công ty có mệnh giá là bội số của 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) và có thể phát hành dưới 1 trong 2 dạng là Tờ cổ phiếu hoặc Sổ chứng nhận cổ đông theo mẫu quy định của Bộ Tài chính, cả 2 đều có giá trị như nhau.

Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;
- f) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật này đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 16. Cấp cổ phiếu

1. Sau thời hạn 03 tháng kể từ khi hoàn thành các thủ tục chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp và các cổ đông đã thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua trong thời hạn quy định, Công ty sẽ cấp cổ phiếu cho từng cổ đông theo đúng mẫu quy định của Bộ Tài chính.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty và phải sửa chữa hoàn chỉnh sai sót đó trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát hiện sai sót.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

4. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa > 10.000.000VNĐ (Mười triệu đồng Việt Nam), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp lại cổ phiếu, người đại diện theo pháp luật của Công ty yêu cầu Chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác. Sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo Công ty sẽ tiếp nhận đề nghị và cấp cổ phiếu mới.

Điều 17. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức, giá chào bán cổ phần, số lượng cổ phần tối đa một cá nhân hoặc một pháp nhân được phép mua trong phạm vi các loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đã được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần của họ hiện có ở Công ty;
 - c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần chiết khấu dành cho người môi giới và bảo lãnh. Chiết khấu được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán. Mức chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Hội đồng quản trị Công ty quy định.
2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông thì sẽ ưu tiên bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần của họ hiện có tại Công ty và phải thực hiện theo quy định sau:
 - a) Công ty thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ giao dịch của họ trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần. Thông báo phải được đăng báo trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày thông báo;

- b) Thông báo phải có các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như nêu tại điểm a tiết 1.2.3 mục 1.2, khoản 1 điều 12 Điều lệ này; số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành.
 - c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
 - d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không được thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 điều 14 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
4. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 18. Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần

1. Quyền chuyển nhượng cổ phần

- 1.1. Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký công ty cổ phần, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp muốn chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và khi đó người được nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty; sau thời hạn ba (03) năm hạn chế này được bãi bỏ.

- 1.2. Cổ phần của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị không được phép chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm, trong trường hợp đặc biệt (nếu có) thì các thành viên của Hội đồng quản trị bỏ phiếu nhất trí việc chuyển nhượng này.
- 1.3. Cổ phần của thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty chỉ được chuyển nhượng khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
- 1.4. Trừ các trường hợp quy định tại mục 2.3 khoản 2 điều 12 và các mục 1.2; 1.3; 1.6 khoản 1 điều này, còn lại các cổ phần được tự do chuyển nhượng theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
- 1.5. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng cổ phần khi chưa đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
- 1.6. Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần đã mua trong thời hạn tối thiểu 05 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp cổ phần lần đầu. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 1.7. Cổ phiếu ưu đãi người lao động mua thêm theo số năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời hạn cam kết.

Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.

Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường, nhưng không vượt quá giá đã mua tại thời điểm cổ phần hóa.

2. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần

Việc chuyển nhượng được giao dịch trên thị trường chứng khoán và trình tự, thủ tục được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Bên chuyển

nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi thông tin của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty cổ phần.

3. Thừa kế cổ phần

3.1. Cổ phần của Công ty được thừa kế theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

a) Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

b) Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3.2. Cổ đông có quyền tặng, cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng, cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

3.3. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

3.4. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 19. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông và theo quy định của công ty

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1.1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

1.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

2.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

2.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ

phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 20. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại điều 19 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại điều 19 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán và thuộc số cổ phần được quyền chào bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có qui định khác.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.
5. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 điều này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III. BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát của Công ty gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông: Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty
2. Hội đồng quản trị: Cơ quan quản lý của Công ty

3. Ban Kiểm soát: Giám sát và kiểm tra sự tuân thủ Điều lệ này và pháp luật có liên quan đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc và các cá nhân trong Công ty.
4. Tổng giám đốc điều hành: Người điều hành các công việc hàng ngày của Công ty.

I. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của của Công ty. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này.
2. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền được tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
9. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

11. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty

Điều 24. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên họp mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Thời điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường là sau ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên không họp đúng thời hạn qui định tại khoản 2 Điều này. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Mọi chi phí tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được tính vào chi phí hoạt động của công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và quyết định những vấn đề theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Khi bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 06 tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn chủ sở hữu đã bị mất đi 30% so với số đầu kỳ;
 - c) Khi số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát giảm hơn 1/3 số thành viên quy định trong Điều lệ Công ty. Trong các trường hợp giảm ít hơn hoặc bằng 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị thì tại Đại hội đồng

cổ đông gần nhất bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm;

- d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông của Công ty quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được các báo cáo qui định tại điểm b khoản 4 Điều này hoặc từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát bị giảm quá 1/3 qui định tại điểm c khoản 4 Điều này hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu qui định tại điểm d và điểm e khoản 4 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị có liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát và các kiểm soát viên có liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

7. Trường hợp Ban kiểm soát không tiến hành triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại điểm d khoản 4 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian, địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.
9. Tất cả các chi phí hợp lý và trực tiếp liên quan tới việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự đại hội, kể cả chi phí ăn ở, đi lại.

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 12 Điều lệ này) phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 của điều này. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty, được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu người đại diện theo pháp luật hoặc người nắm giữ Sổ đăng ký cổ đông của Công ty cung cấp Sổ đăng ký cổ đông để làm căn cứ lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Trường hợp người đại diện theo pháp luật hoặc người nắm giữ Sổ đăng ký cổ đông không cung cấp sổ đăng ký cổ đông thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, khi đó người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền tham chiếu Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội tại lần gần nhất, đăng thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có), dán thông báo tại trụ sở Công ty hoặc đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để thu thập thông tin phục vụ việc lập danh sách cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có đủ thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như quy định tại điểm a tiết 1.2.3 mục 1.2 khoản 1 điều 12 Điều lệ này; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. Danh sách phải được niêm yết công khai tại trụ sở Công ty và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước khi khai mạc cuộc họp là năm (05) ngày làm việc.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, yêu cầu sửa đổi những thông tin sai

lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chương trình và nội dung của cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, các thông tin cần thiết và các vấn đề sẽ được thảo luận biểu quyết tại đại hội, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, xác định thời gian, địa điểm họp, thông báo mời họp để gửi cho các cổ đông có quyền dự họp.
2. Cổ đông và nhóm cổ đông quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị những vấn đề đưa vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập thành văn bản, phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp và phải gửi tới Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được quyền từ chối các kiến nghị quy định tại khoản 2 của điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Các kiến nghị được gửi tới không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng những quy định tại khoản 2 điều này.
 - b) Các kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 điều này vào dự kiến chương trình, nội dung cuộc họp trừ trường hợp quy định tại khoản 3 của điều này, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 27. Mời họp ĐHĐCĐ

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về

việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội
2. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ giao dịch của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu đối với người dự họp (nếu có).
 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).
 4. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, nội dung họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty đồng thời gửi thông báo cho các cổ đông. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông có yêu cầu.

Điều 28. Quyền dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông phổ thông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông phổ thông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản 3 điều 12 Điều lệ này thì uỷ quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu quy định của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.
 - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào dự họp.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự.
 - b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.
4. Quy định tại khoản 2 điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 điều này chậm nhất hai mươi bốn giờ trước giờ khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Uỷ quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 29. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định tiến hành. Trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại điều 26 Điều lệ này.

Điều 30. Thẻ thức, điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp một thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết có ghi mã số của cổ đông, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
Số phiếu biểu quyết của một cổ đông phụ thuộc vào số cổ phần mà cổ đông đó sở hữu. Mỗi cổ phần phổ thông là một phiếu biểu quyết.
2. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp đến giờ khai mạc Đại hội, Chủ tịch vắng mặt hoặc có mặt nhưng không thực hiện quyền chủ tọa cuộc họp của mình hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng

- Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội. Chương trình phải xác định rõ chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
 5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết được chủ tọa thông báo ngay sau khi kết thúc kiểm phiếu hoặc ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, được đăng ký, nhận thẻ biểu quyết và có quyền biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 điều này, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết hoặc các nội dung được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Hình thức, điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
 - b) Định hướng phát triển và các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của Công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - d) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - g) Tổ chức lại (chia tách, sát nhập), giải thể Công ty;
 - h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
2. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty qui định tại điều 21 Điều lệ này;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại (chia tách, sát nhập), giải thể Công ty;
3. Các nội dung khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
 4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
 5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
 6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Nghị quyết được thông qua, đồng thời đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
 7. Cổ đông không có quyền biểu quyết để thông qua nghị quyết trong các trường hợp sau đây:
 - a) Nếu cổ đông hoặc người có liên quan của cổ đông đó là một bên hợp đồng kinh tế.
 - b) Cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu mà chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập thì không có quyền biểu quyết khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết phê chuẩn việc chuyển nhượng đó.

Điều 32. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ giao dịch của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như quy định tại điểm a tiết 1.2.4 mục 1.2 khoản 1 điều 12 Điều lệ này; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông đối với cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã quy định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các quyết định đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;
- 7. Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Biên bản họp ĐHDCD

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài. Nếu dùng cả tiếng nước ngoài thì cả hai thứ tiếng đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự sai khác giữa hai thứ tiếng thì lấy tiếng Việt làm chuẩn.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp, biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, biên bản kiểm phiếu, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 34. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông qui định tại tiết 1.2 khoản 1 điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp qui định tại khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 35. Hiệu lực các nghị quyết của ĐHĐCĐ

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như qui định.
3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo qui định tại Điều 34 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Những quy định chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra theo quy định tại Điều lệ này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông của Công ty, phải thường trú tại Việt Nam, các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Hội đồng quản trị có ít nhất là 03 người và nhiều nhất là 05 người. Số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định tùy theo qui mô sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý từng thời kỳ.
5. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết

- thức nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
6. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty. Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết cho Hội đồng quản trị.
 7. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
 8. Hội đồng quản trị có thể có chuyên viên giúp việc hoạt động chuyên trách.

Điều 37. Bầu thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trong số ứng cử viên do cổ đông đề cử theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
2. Cổ đông có quyền biểu quyết được tham dự Đại hội đồng cổ đông có quyền ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử phải theo quy định tại mục 1.3 khoản 1 điều 12 Điều lệ này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b) Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% số cổ phần phổ thông thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty.
 - c) Có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết về pháp luật.
4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ HĐQT

1. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp:
 - Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
 - Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:
 - Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty;
 - Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ

đồng hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên

- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

2. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 39. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty đại chúng và công ty cổ phần với số vốn Nhà nước trên 50% không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc vì lý do nào đó mà không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không uỷ quyền thì các thành viên còn lại có quyền triệu tập Hội đồng quản trị để bầu một người trong số thành viên Hội đồng quản trị tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức hoặc có quyết định chuyển nơi công tác mà không triệu tập họp Hội đồng quản trị để bầu

Chủ tịch mới thì bất cứ thành viên Hội đồng quản trị nào cũng có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới.

Điều 40. Cuộc họp HĐQT

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.

Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị phải họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Công ty khi Chủ tịch Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết hoặc có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý;
 - b) Có đề nghị của đa số thành viên Ban Kiểm soát.
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại khoản 4 điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình,

các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có thể được Chủ tịch Hội đồng quản trị mời dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo qui định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có thể họp qua điện thoại nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản thì Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản thì phải có trên 50% tổng số các văn bản của thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

9. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10. Cuộc họp được kết thúc khi đã hoàn thành toàn bộ các nội dung của cuộc họp đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận dừng cuộc họp.

Trường hợp chủ tọa cuộc họp tự ý dừng cuộc họp (trừ trường hợp bất khả kháng), thì các thành viên còn lại có quyền tiếp tục duy trì cuộc họp để bầu một người trong số các thành viên dự họp làm chủ tọa cuộc họp để hoàn thành các nội dung còn lại. Trong trường hợp này, hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết thông qua trước đó không bị ảnh hưởng.

11. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại các cuộc họp
- f) Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, những thành viên không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên dự họp. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười lăm ngày kể từ khi chuyển đi

12. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

13. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng cả tiếng nước ngoài. Nếu dùng cả tiếng nước ngoài thì cả hai thứ tiếng đều có hiệu lực pháp lý

như nhau. Trường hợp có sự sai khác giữa hai thứ tiếng thì lấy tiếng Việt làm chuẩn.

Điều 41. Chế độ làm việc của HĐQT

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ hàng quý xem xét và quyết định, phê duyệt những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình.
2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
3. Khi Hội đồng quản trị họp để xem xét những vấn đề có nội dung quan trọng liên quan đến chính quyền địa phương thì có thể mời đại diện chính quyền địa phương tham dự họp; trường hợp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động thì phải mời đại diện Công đoàn Công ty đến dự. Đại diện của các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết; khi phát hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có phương hại đến lợi ích chung có quyền kiến nghị bằng văn bản đến Hội đồng quản trị.
4. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với toàn Công ty. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về các nghị quyết, quyết định của mình. Trong trường hợp ý kiến của Tổng giám đốc khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định; trong thời gian chưa tiến hành Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông chưa có ý kiến quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Trong trường hợp này nếu các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị làm phương hại đến Công ty hoặc vi phạm pháp luật, Tổng giám đốc hoàn toàn không chịu trách nhiệm liên đới.

Điều 42. Quyền và nhiệm vụ của thành viên HĐQT

1. Các thành viên Hội đồng quản trị cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành các hoạt động quản lý Công ty theo quy định tại Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Tổng giám đốc Công ty, các chức danh quản lý khác tại Công ty và các doanh nghiệp thành viên

(nếu có). Các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm một hay nhiều chức vụ nào đó trong Công ty thì được hưởng lương theo chức vụ kiêm nhiệm cao nhất và được hưởng thù lao hoặc phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh còn lại.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, cán bộ quản lý ở các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Cán bộ quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
4. Có vấn, hiến kế, đôn đốc, kiểm tra theo lĩnh vực của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị về chiến lược đầu tư trung hạn, nhân sự Ban điều hành.
5. Có quyền kiến nghị đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông áp dụng hình thức khiển trách, bãi nhiệm, cách chức các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành nếu các cá nhân đó có sai phạm trong công tác quản lý, điều hành, công tác đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh gây thiệt hại về tài sản của Công ty.
6. Tuân thủ các nghĩa vụ của người quản lý qui định tại Điều lệ này.
7. Các quyền và nhiệm vụ khác qui định tại Luật doanh nghiệp và bản điều lệ này.
8. Các thành viên Hội đồng quản trị cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về mọi nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ được giao, vi phạm Điều lệ này, quyết định sai hoặc vượt thẩm quyền, lạm dụng chức quyền gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất đối với các thiệt hại do mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi có một trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 37 của Điều lệ này;
 - b) Có đơn xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty;

- c) Vắng mặt không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng mà không xin phép và không được sự đồng ý của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - d) Không đủ tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng quản trị.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
 4. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các qui định của pháp luật.

III. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 44. Những quy định chung về Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm; có thể bổ nhiệm lại, thuê lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc Công ty:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - b) Có trình độ đại học trở lên;

- c) Là cá nhân sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ của Công ty hoặc là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;
 - d) Có sức khỏe tốt, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, nhiệt tình, tận tụy với công việc; có hiểu biết pháp luật;
 - e) Không được đồng thời là Giám đốc, Tổng giám đốc các doanh nghiệp khác.
3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo qui định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn xin từ chức;
4. Ngoài các trường hợp qui định tại khoản 3 Điều này, Tổng giám đốc Công ty có thể bị bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng bất cứ lúc nào theo nghị quyết của Hội đồng quản trị.
5. Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Phó Tổng giám đốc có thể bị bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng bất cứ lúc nào theo nghị quyết của Hội đồng quản trị. Phó Tổng giám đốc không được đồng thời tham gia, điều hành ở đơn vị kinh doanh khác.
6. Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức bộ máy quản lý điều hành Công ty. Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty có thể bị bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trưởng phòng Tài chính Kế toán không được đồng thời tham gia, điều hành ở đơn vị kinh doanh khác.

Vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được làm Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty.

Vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột; anh, em rể; chị, em dâu của Trưởng phòng Tài chính Kế toán không được làm kế toán, thủ quỹ của Công ty.

7. Bộ máy giúp việc là các Phòng ban chuyên môn nghiệp vụ do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
8. Các cán bộ quản lý thuộc các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc và thực hiện quản lý, điều hành Công ty theo yêu cầu của Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao; không tham gia các chức danh quản lý điều hành ở đơn vị kinh doanh khác.

Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Ký kết các hợp đồng giao dịch, hợp đồng mua, bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất; hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị không vượt quá 20% tổng giá trị tài sản ghi trên Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm gần nhất. Các hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty tại thời điểm gần nhất phải thông qua và được Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi ký kết.
4. Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của Công ty trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
5. Kiến nghị phương án tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, quy chế quản lý nội bộ Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét quyết định;
6. Trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm tiếp theo và kế hoạch 05 năm;
7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;

8. Quyết định trả lương và các khoản chi phí có tính chất lương đối với người lao động trong Công ty, kể cả các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc theo phương án đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
9. Tuyển dụng lao động phù hợp với chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty theo phương án tuyển dụng được Hội đồng quản trị phê duyệt;
10. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh trình Hội đồng quản trị Công ty;
11. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác;
12. Đề xuất với Hội đồng quản trị những biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động và quản lý của Công ty;
13. Đề xuất các vấn đề khác thuộc quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị lên Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị xem xét quyết định hoặc Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đúng qui định của Điều lệ này và pháp luật;
14. Trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của mình, Tổng giám đốc có thể ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện các công việc liên quan đến nhiệm vụ và quyền hạn của mình;
15. Tuân thủ các nghĩa vụ của người quản lý được qui định tại Điều 46 Điều lệ này và qui định của pháp luật;
16. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, quyết định của Hội đồng quản trị và các quy chế nội bộ có liên quan.

Điều 46. Nghĩa vụ của người quản lý công ty

Người quản lý Công ty gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

Người quản lý Công ty có nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị một cách trung thực, tận tụy, cẩn trọng vì lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

2. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, các nhân khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;
3. Phải công khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty.
 - 3.1. Người quản lý của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty bao gồm:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của mình gồm vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ;
 - 3.2. Việc kê khai quy định tại mục 3.1 khoản 3 điều này phải được thực hiện trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
 - 3.3. Việc kê khai quy định tại mục 3.1 và 3.2 khoản 3 điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu thấy cần thiết;
 - 3.4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng

quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả các thu nhập đó thuộc về Công ty;

4. Khi Công ty giảm khả năng thanh khoản, có nguy cơ không đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì Tổng giám đốc phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
 - a) Phải thông báo ngay cho Hội đồng quản trị biết;
 - b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho người lao động của Công ty, kể cả cho người quản lý;
 - c) Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;
 - d) Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b và c của khoản này;
5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng thuê Tổng giám đốc ký với Hội đồng quản trị Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty;
6. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quy chế của Công ty;

Điều 47. Các quy định khác

1. Khi Tổng giám đốc vi phạm pháp luật hoặc mất khả năng làm việc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị giữ quyền Tổng giám đốc Công ty trong thời gian chưa kịp bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp nói trên phải tiến hành triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc mới trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày giữ quyền Tổng giám đốc. Nếu sau thời hạn trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp thì bất cứ thành viên nào của Hội đồng quản trị cũng có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc mới.

**Điều 48. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của các thành viên HĐQT,
Tổng giám đốc**

1. Công ty trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, tiền thưởng theo qui chế về tiền lương, tiền thưởng của Công ty.
 - b) Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - d) Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương, tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Thù lao, tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Những quy định chung

1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trong số cổ đông của Công ty theo phương thức bầu dồn phiếu.
2. Các cổ đông có quyền biểu quyết được tham dự Đại hội đồng cổ đông, có quyền ứng cử hoặc đề cử ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát. Việc đề cử phải theo quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 12 Điều lệ này.
3. Tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát (sau đây gọi là Kiểm soát viên) phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện cơ bản sau:

- a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp.

- b) Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán ít nhất ba năm hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế ít nhất ba năm trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
 - c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
 - d) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, nhiệt tình, tận tụy với công việc; có hiểu biết pháp luật.
 - e) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.
4. Ban kiểm soát có số lượng là 03 người, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên làm việc tại Công ty và có ít nhất một thành viên có chuyên môn về Tài chính kế toán hoặc kiểm toán. Các kiểm soát viên không thuộc biên chế của Phòng kế toán Công ty.
5. Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Trong trường hợp các kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì các kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
6. Người trúng cử kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
7. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp phải được lập chi tiết rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát đối với các nghị quyết của Ban Kiểm soát

8. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán độc lập tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà Ban Kiểm soát quan tâm.

Điều 50. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị; hoạt động điều hành của Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc; hoạt động của các đơn vị thành viên Công ty trong hoạt động tài chính, chấp hành nội dung Điều lệ này, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.
3. Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 12 của Điều lệ này.
5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị với Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác có hành vi vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, Ban

Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và khắc phục hậu quả. Sau 07 ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và khắc phục hậu quả, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với cơ quan pháp luật để xử lý

8. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cuộc họp khác của Công ty.
9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
10. Báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc theo vụ việc về kết quả kiểm tra, giám sát của mình; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản trị về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong Công ty.
11. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.
12. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Đại hội đồng cổ đông cho phép; phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật nếu cố ý bỏ qua hoặc bao che những hành vi vi phạm pháp luật. Không được tiết lộ bí mật của Công ty.
13. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề liên quan đến công tác kiểm toán.
14. Chủ trì, phối hợp với Kế toán trưởng và các bộ phận liên quan trong Công ty để thảo luận với đơn vị kiểm toán, kiểm toán viên về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; những vấn đề khó khăn, tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên muốn bàn bạc.
15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3,4 điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát bầu một thành viên trong Ban làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải có chuyên môn về tài chính kế toán hoặc kiểm toán.
2. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ:
 - a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các đơn vị, bộ phận và cán bộ quản lý, nhân viên trong Công ty cung cấp những thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát;

- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung tối thiểu sau:
- Hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;
 - Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
 - Kết quả giám sát đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty;
 - Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông.
- d) Tổ chức giám sát việc tuân thủ theo nội dung Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các quy định của pháp luật có liên quan đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc và người lao động trong Công ty.

Điều 53. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc của Ban kiểm soát.

Điều 54. Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát

Những người sau đây không được làm thành viên Ban Kiểm soát:

1. Những người giữ chức vụ quản lý Công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và người quản lý khác của Công ty); người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và những người đang làm việc trực tiếp tại phòng Tài chính Kế toán của Công ty.
2. Người dưới 21 tuổi, không có đủ năng lực hành vi dân sự, thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
3. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 điều 49 của Điều lệ này.
 - b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c) Có đơn xin từ chức.
2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị bãi nhiệm bất cứ khi nào theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 56. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của

Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG IV. QUẢN LÝ LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 57. Quản lý lao động

1. Công ty tự chủ trong việc tuyển, thuê và sử dụng lao động theo chế độ hợp đồng lao động và thực hiện các quyền của người lao động theo quy định tại Điều lệ này và thỏa ước lao động tập thể, các quy chế của Công ty có liên quan, phù hợp với quy định của Bộ Luật lao động.
2. Tổng Giám đốc Công ty là người quyết định tuyển dụng, thuê lao động theo kế hoạch tuyển dụng và yêu cầu kinh doanh từng thời điểm được Hội đồng quản trị phê duyệt. Người lao động được tuyển dụng, thuê vào làm việc tại Công ty phải là người có đủ trình độ, năng lực chuyên môn, có đạo đức, có sức khỏe tốt, đáp ứng được các yêu cầu công việc tại vị trí cần tuyển, cần thuê của Công ty.
3. Tổng Giám đốc Công ty xây dựng các quy chế về tiền lương, tiền thưởng; quy chế khen thưởng, kỷ luật; xác lập hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể, đảm bảo các điều kiện làm việc cho người lao động trong Tổng công ty nhằm phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động; bảo đảm hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư, người lao động.

Điều 58. Người lao động tham gia quản lý Công ty

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.
2. Hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu người lao động Công ty.

3. Tổ chức Công đoàn Công ty.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật

Điều 59. Nội dung tham gia quản lý và nghĩa vụ của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với các cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:
 - a) Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - b) Phương án tổ chức lại Công ty.
 - c) Các quy định, quy chế của Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.
 - d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.
 - e) Khi được Hội đồng quản trị yêu cầu tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh của Công ty theo quy định.
 - f) Người lao động là cổ đông của Công ty ngoài các nội dung tham gia quản lý trên đây còn thực hiện quyền của cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.
2. Người lao động có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động và chấp hành sự điều động, quản lý theo các quy chế của Công ty.

CHƯƠNG V. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH CỦA CÔNG TY

Điều 60. Công ty con, công ty liên kết, liên doanh

Công ty có thể thành lập các công ty con, các công ty liên kết, công ty liên doanh...theo qui định của pháp luật.

Điều 61. Quan hệ giữa Công ty với các Công ty con (thành lập mới)

1. Các công ty con khi sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Công ty phải được sự đồng ý của Công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời gian sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.
2. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm, kiểm tra, giám sát của chủ sở hữu hoặc quyền cổ đông tại công ty con theo quy định của pháp luật

và Điều lệ của công ty đó thông qua đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu, người đại diện quản lý phần vốn của Công ty tại công ty con.

3. Công ty con thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm do Chủ sở hữu giao hoặc quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty con.

Điều 62. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên kết

1. Các công ty liên kết nếu sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Công ty phải được sự đồng ý của Công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời gian sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.
2. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông tại công ty liên kết theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ của công ty liên kết, thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại công ty liên kết.
3. Công ty liên kết có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên doanh

1. Các đơn vị liên doanh mà Công ty tham gia góp vốn, Công ty tham gia quản lý, điều hành và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Công ty thực hiện mọi quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các liên doanh này theo Hợp đồng liên doanh đã ký kết, Điều lệ công ty liên doanh và theo quy định của pháp luật.
3. Công ty tham gia quản lý công ty liên doanh thông qua người đại diện - trực tiếp quản lý, điều hành và kiểm soát phần vốn góp của Công ty ở liên doanh theo Điều lệ công ty liên doanh và theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI. ĐẦU TƯ VỐN VÀ QUẢN LÝ PHẦN VỐN CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, CÔNG TY LIÊN DOANH

Điều 64. Vốn Công ty đầu tư ở công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh (nếu có)

Vốn Công ty đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh bao gồm:

1. Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị những tài sản khác được Công ty đầu tư, góp vốn vào doanh nghiệp khác.
2. Giá trị cổ phần tại công ty Nhà nước đã cổ phần hóa.

3. Vốn do Công ty vay để đầu tư.
4. Lợi tức và các khoản được chia khác do Công ty đầu tư góp vốn vào doanh nghiệp khác được sử dụng để tái đầu tư tại doanh nghiệp này.
5. Giá trị cổ phiếu thưởng, cổ phiếu trả thay cổ tức của phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp này.
6. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 65. Quản lý phần vốn góp của Công ty góp vào các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh (nếu được thành lập)

1. Hội đồng quản trị Công ty thông qua và quyết định phương án đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác do Tổng giám đốc Công ty trình.
2. Hội đồng quản trị cử đại diện ủy quyền của chủ sở hữu, người đại diện trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác (nếu có) để thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu và quyền cổ đông tại doanh nghiệp khác; bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật quyết định tiền lương, tiền thưởng, chế độ đãi ngộ đối với đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu và người đại diện quản lý vốn tại doanh nghiệp khác.
3. Giao nhiệm vụ, chỉ đạo người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Công ty; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Công ty. Kiểm tra, giám sát người đại diện phần vốn nhằm phát hiện thiếu sót, yếu kém của người đại diện phần vốn để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.
4. Hội đồng quản trị giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm về hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đã đầu tư và thu lợi nhuận từ phần vốn của Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

Điều 66. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh (nếu có)

1. Người đại diện phần vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết, liên doanh phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam; là cán bộ có năng lực, đã từng làm việc tại Công ty hoặc các doanh nghiệp của Công ty, thực hiện theo quy định của Pháp luật liên quan đến người đại diện theo ủy quyền và người đại diện quản lý phần vốn tại doanh nghiệp khác.

- b) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ; có uy tín đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty
 - c) Hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.
 - d) Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của các doanh nghiệp mà Công ty có vốn đầu tư; có năng lực kinh doanh và kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn góp chi phối của Công ty ở các công ty liên doanh với nước ngoài còn phải có thêm trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh.
 - e) Không là người có liên quan của những người trong Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp.
 - f) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần ở công ty được cổ phần hóa.
2. Người đại diện được tham gia ứng cử vào bộ máy lãnh đạo (Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc) của các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty mà người đó được giao đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 67. Quyền, nghĩa vụ và quyền lợi của đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh

- 1. Đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Đại diện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu và quyền cổ đông, thành viên góp vốn tại công ty con, công ty liên kết, liên doanh; sử dụng quyền Chủ sở hữu, quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng công ty con thực hiện chiến lược, mục tiêu của Công ty.

- b) Được Công ty cử làm đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu hoặc cử làm người đại diện quản lý vốn và giới thiệu trực tiếp tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của công ty con, công ty liên kết, liên doanh theo quy định của Điều lệ công ty đó.
- c) Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, phát hiện khả năng thua lỗ, mất vốn ở công ty con, công ty liên kết, liên doanh.
- d) Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty về hiệu quả sử dụng phần vốn góp.
- e) Xin ý kiến Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội cổ đông, tại cuộc họp của Hội đồng quản trị của công ty con, công ty liên kết, liên doanh về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; đầu tư dự án; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn; cơ cấu tổ chức; quyết định chức danh quản lý, điều hành.
- f) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty về quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn góp của Công ty ở công ty được giao làm đại diện ủy quyền hoặc trực tiếp quản lý phần vốn góp.

Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện theo ủy quyền hoặc quản lý phần vốn đầu tư của Công ty, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty thì người đại diện ủy quyền hoặc đại diện phần vốn bị miễn nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và các Quy chế của Công ty.

- g) Theo dõi, thu lợi tức đầu tư của Công ty. Người đại diện phải đôn đốc thu lợi nhuận, cổ tức được chia và định kỳ báo cáo các chỉ tiêu tài chính, các báo cáo khác theo yêu cầu của Công ty quy định tại Quy chế quản lý vốn và người đại diện quản lý phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác.
- h) Đại diện ủy quyền hoặc Người đại diện phần vốn của Công ty có nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Quy chế quản lý vốn và người đại diện quản lý phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác; trường hợp đại diện ủy quyền hoặc người đại diện quản lý phần vốn vi phạm quy chế Công ty, vi phạm nội dung thoả thuận làm tổn hại đến lợi ích của Công ty thì Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty có quyền

xử lý kỷ luật; trường hợp vi phạm nghiêm trọng đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì đưa ra pháp luật xử lý theo quy định hiện hành.

- i) Có các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.
2. Quyền lợi của người đại diện phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác.
 - a) Đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn của Công ty hưởng chế độ thù lao, lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị đối với từng trường hợp cụ thể và thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty
 - b) Việc đánh giá kết quả, hiệu quả hoạt động của đại diện ủy quyền hoặc người đại diện phần vốn thực hiện theo Quy chế quản lý vốn và người đại diện phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác.
 - c) Hội đồng quản trị chấp thuận và giao Tổng giám đốc ký hợp đồng ủy quyền theo Bộ Luật dân sự hoặc ký văn bản cam kết về nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm cụ thể với đại diện ủy quyền của Chủ sở hữu hoặc người đại diện quản lý phần vốn tại doanh nghiệp khác hàng năm.
3. Việc cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, chế độ đãi ngộ đối với đại diện ủy quyền của chủ sở hữu hoặc người đại diện quản lý phần vốn tại doanh nghiệp thực hiện theo quy chế quản lý người đại diện phần vốn và các quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG VII. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

I. QUYỀN CỦA CÔNG TY

Điều 68. Các quyền cơ bản của Công ty

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
2. Lựa chọn ngành nghề kinh doanh, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất và ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
5. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
6. Tự chủ kinh doanh, áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

7. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.
8. Phát hành cổ phiếu và trái phiếu theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Các quyền khác quy định tại Điều lệ này hoặc được pháp luật quy định.

Điều 69. Quyền quản lý và sử dụng các nguồn lực

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn, tài sản, và các nguồn lực khác thuộc quyền quản lý hoặc sở hữu của Công ty; quyền sử dụng đất của Công ty (sau đây gọi tắt là các nguồn lực của Công ty) theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty.
2. Công ty có quyền phân, giao lại cho các đơn vị thành viên (nếu có) quản lý, sử dụng các nguồn lực của Công ty; điều chỉnh những nguồn lực đã phân giao cho các đơn vị thành viên trong trường hợp cần thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển chung của toàn Công ty.
3. Công ty có quyền đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
4. Công ty có quyền chuyển nhượng, thay thế, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty. Đối với đất đai thuộc quyền sử dụng của Công ty thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 70. Quyền tổ chức quản lý, tổ chức hoạt động kinh doanh

Công ty có quyền tổ chức quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động kinh doanh tại Công ty như sau:

1. Tổ chức bộ máy quản lý, bố trí sử dụng lao động, tổ chức hoạt động, kinh doanh phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp trình độ, năng lực sản xuất và quản lý.
3. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước và ở ngoài nước theo quy định của pháp luật.
4. Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu của thị trường;

5. Tổ chức kinh doanh những ngành nghề khác nếu Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty và được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép bổ sung.
6. Mời và tiếp đối tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc với Công ty ở Việt Nam theo quy định về tiếp khách của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.
7. Quyết định cử người của Công ty ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan khảo sát phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 71. Quyền quản lý tài chính

Công ty có quyền quản lý tài chính như sau:

1. Được sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu kinh doanh đảm bảo có hiệu quả. Trường hợp cần sử dụng các nguồn vốn, quỹ khác trái với mục đích sử dụng thì phải theo nguyên tắc hoàn trả.
2. Tự huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu; được phát hành trái phiếu và cổ phiếu theo quy định của pháp luật; được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý của Công ty tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các quỹ để vay vốn phục vụ kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá, các chế độ ưu đãi đầu tư hoặc tái đầu tư hoặc các chế độ ưu đãi khác theo quy định của Nhà nước.
4. Được thành lập, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế tài chính Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 72. Các nghĩa vụ cơ bản của Công ty

1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo qui định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
2. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành nghề đã đăng ký.
3. Lập chứng từ kế toán, sổ kế toán và lập báo cáo tài chính đảm bảo chính xác, trung thực, kịp thời.
4. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
6. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh.
7. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền của tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác theo quy định của pháp luật.
8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.
10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 73. Nghĩa vụ quản lý và sử dụng các nguồn lực

1. Công ty có nghĩa vụ sử dụng có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn điều lệ của Công ty, bao gồm cả phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, liên doanh; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác của Công ty để thực hiện mục tiêu kinh doanh và những nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết nghị.
2. Công ty có nghĩa vụ thực hiện:
 - a) Các khoản nợ phải thu, phải trả ghi trong Bảng cân đối kế toán của Công ty.
 - b) Trả các khoản tín dụng mà Công ty đang sử dụng.
 - c) Sử dụng và sắp xếp số lao động hiện đang làm việc tại Công ty hoặc tuyển dụng thêm tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần cho phù hợp với kế hoạch kinh doanh và quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 74. Nghĩa vụ quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh

Công ty có nghĩa vụ quản lý hoạt động kinh doanh như sau:

1. Đăng ký kinh doanh và tiến hành các hoạt động kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ do Công ty thực hiện, cung ứng.

2. Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, kế hoạch dài hạn, trung hạn và kế hoạch hàng năm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị và phù hợp với nhu cầu của thị trường.
3. Kiểm tra, đàm phán với đối tác để có thể ngừng thực hiện các hợp đồng đã ký (thanh lý hợp đồng) hoặc ký lại hợp đồng, hoặc tiếp tục tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với các đối tác cũng như các tổ chức, cá nhân trước thời điểm chuyển sang công ty cổ phần.
4. Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ và phương thức quản lý; thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phải được sử dụng bổ sung vốn kinh doanh hoặc để tái đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ của Công ty.
5. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo thường xuyên, báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông; chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo đó.

Điều 75. Nghĩa vụ đối với Nhà nước

1. Công ty có nghĩa vụ thực hiện đúng chế độ với các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, về kế toán, hạch toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp của các hoạt động tài chính của Công ty.
2. Công ty thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Các nghĩa vụ khác

Công ty có nghĩa vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin để đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VIII. CHẾ ĐỘ LƯU DỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY, QUYỀN KIỂM TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY

Điều 77. Chế độ lưu dữ tài liệu của Công ty

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức lưu giữ bản chính các tài liệu sau đây:
 - a) Điều lệ Công ty, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, quy chế quản lý nội bộ Công ty, sổ đăng ký cổ đông.
 - b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp, Giấy chứng

nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu của Công ty.

- c) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.
 - d) Các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, các quyết định đã được thông qua.
 - e) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có).
 - f) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập
 - g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
2. Hội đồng quản trị giao phòng Hành chính quản trị Công ty là đơn vị lưu trữ những tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này (gọi là Hồ sơ Công ty) tại trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Các tổ chức, cá nhân nắm giữ các tài liệu nêu trên phải chuyển cho phòng Hành chính quản trị Công ty để lưu giữ. Thời hạn lưu giữ theo quy định của Pháp luật.

Điều 78. Quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ

- 1. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định ở mục 1.2 khoản 1 điều 12 Điều lệ này đều có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư, hoặc người được uỷ quyền bằng văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc tại địa điểm trụ sở chính của Công ty, các tài liệu sau đây: Danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu đó.
- 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra các tài liệu sau đây: Sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình, với điều kiện những thông tin này phải được bảo mật.

CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, LẬP CÁC QUỸ, TRẢ CỔ TỨC

Điều 79. Trách nhiệm về tài chính

- 1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc hạch toán độc lập tự chủ về tài chính, tự cân đối về các khoản thu, chi, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển

nguồn vốn kinh doanh của Công ty, kể cả phần vốn góp vào các doanh nghiệp khác, các tổ chức trong và ngoài nước.

2. Công ty chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty kể các khoản nợ và các cam kết tài chính khác trước khi chuyển đổi hình thức sở hữu.
3. Mọi quan hệ tín dụng (vay, cho vay và mua, bán hàng chậm trả, bảo lãnh) giữa Công ty và những đối tác bên ngoài, Công ty phải tuân thủ theo sự phân cấp theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.
4. Công ty có trách nhiệm báo cáo tài chính cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
5. Hoạt động tài chính của các chi nhánh, các công ty con với Công ty là mối quan hệ về hoạt động tài chính thực hiện phù hợp với Điều lệ này và Quy chế Tài chính Công ty do Tổng giám đốc lập được Hội đồng quản trị phê duyệt.
6. Trách nhiệm vật chất của Công ty trong các mối quan hệ kinh doanh và trong quan hệ dân sự được giới hạn ở mức tổng số vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm công bố gần nhất.
7. Thực hiện nghiêm chỉnh Luật kế toán và các chế độ về kế toán của Nhà nước quy định. Khi tăng giảm vốn điều lệ Công ty phải điều chỉnh kịp thời Bảng cân đối kế toán và công bố vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh theo quy định của pháp luật.
8. Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát về tài chính và các hoạt động kinh doanh của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 80. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

1. Sau khi thực hiện các nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước, lợi nhuận Công ty được phân chia theo trình tự sau:
 - a) Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.
 - b) Trả cổ tức ưu đãi (nếu có).
 - c) Chia lãi cho các đối tác góp vốn theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có).

- d) Phần lợi nhuận còn lại sau khi đã trừ đi tất cả các khoản nêu trên được trích lập vào các quỹ tại Công ty theo tỷ lệ quy định tại Điều 81 Điều lệ này.
 - e) Chia cổ tức cổ phần phổ thông.
2. Tỷ lệ trích lập vào các quỹ và tỷ lệ chia cổ tức do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 3. Khi lợi nhuận kinh doanh thực tế vượt mức kế hoạch, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định mức trích thưởng và đối tượng được thưởng.

Điều 81. Lập các quỹ tại Công ty

1. Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty với mục đích:
 - a) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Công ty.
 - b) Góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn cổ phần vào các doanh nghiệp khác.
 - c) Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của quỹ, trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

Mức trích để lập Quỹ đầu tư phát triển là 30% lợi nhuận sau thuế.

2. Quỹ khen thưởng

Mức trích để lập Quỹ khen thưởng là 7% lợi nhuận sau thuế đến khi bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa.

3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế một khoản để đưa vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Khoản trích này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ này bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

4. Việc trích lập và sử dụng các quỹ được quy định tại Điều lệ này và các quy chế của Công ty.

Điều 82. Nguyên tắc trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông và các cổ phần ưu đãi khác được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Hình thức trả cổ tức
 - Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.
 - Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ các thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
 - Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
4. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Nếu trường hợp không trả cổ tức đúng thời hạn quy định thì số cổ tức chậm trả Công ty phải trả lãi theo lãi suất tiền vay ngân hàng tại thời điểm trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các thông số pháp lý cơ bản của cổ đông như nêu tại điểm a tiết 1.2.43, mục 1.2, khoản 1 điều 10 Điều lệ này; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ

đồng đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
6. Trường hợp trả cổ tức trái với quy định tại Điều lệ này thì tất cả cổ đông phải hoàn trả lại cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG X. BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ CÔNG BỐ RA CÔNG CHÚNG

Điều 83. Báo cáo hàng năm

1. Công ty phải thực hiện chế độ báo cáo tài chính và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật và các quy định của Bộ Tài chính và Điều lệ Công ty. Báo cáo Tài chính hàng năm và Báo cáo quyết toán thuế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải gửi cho cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước theo qui định hiện hành.
2. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau:
 - a) Báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tóm tắt nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty;
 - d) Ngoài báo cáo tài chính hàng năm, Công ty còn phải có báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công ty với các Công ty con (nếu có) vào cuối năm tài chính.
3. Bản tóm tắt Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải gửi tới các cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên và được công bố trên website của Công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo qui định tại điều này trong thời gian họp lý.

Điều 84. Công khai thông tin của Công ty

1. Trong thời hạn chín mươi ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.
2. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có) các thông tin sau đây:
 - a) Điều lệ Công ty;
 - b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty;
 - c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
3. Công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần, họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.
4. Công ty cổ phần đại chúng thực hiện công bố công khai thông tin theo qui định của pháp luật về chứng khoán. Công ty cổ phần mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, công bố công khai thông tin theo qui định tại Điều 109 và Điều 110 Luật Doanh nghiệp về Công bố thông tin.

CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 85. Kiểm toán Công ty

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.
2. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính phê duyệt danh sách các công ty được tiến hành các hoạt động kiểm toán hàng năm thực hiện kiểm toán cho năm tài chính tiếp theo của Công ty dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị Công ty.

3. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm với mỗi báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Công ty được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được nhận các thông báo và thông tin liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận, được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 86. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Mọi tranh chấp phát sinh trong nội bộ Công ty sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định tại Điều lệ này, các quy chế Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Các tranh chấp nội bộ Công ty trước hết phải giải quyết thông qua thương lượng, trao đổi trên tinh thần hiểu biết, xây dựng, vì lợi ích và mục tiêu chung của Công ty.
 - a) Tranh chấp giữa các cổ đông với nhau, giữa cổ đông với Công ty sẽ được Hội đồng quản trị Công ty giải quyết.
 - b) Tranh chấp giữa người lao động với người lao động trong Công ty sẽ được Tổng giám đốc Công ty giải quyết trên cơ sở tham gia ý kiến của Công đoàn Công ty.
 - c) Tranh chấp giữa người lao động với Công ty sẽ được Hội đồng quản trị giải quyết trên cơ sở tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc và Công đoàn Công ty.
3. Trường hợp không giải quyết được, các tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại một trung tâm trọng tài do các bên thoả thuận hoặc tại toà án có thẩm quyền.

CHƯƠNG XIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ PHÁ SẢN

Điều 87. Tổ chức lại, giải thể Công ty

1. Việc tổ chức lại Công ty dưới các hình thức chia, tách, sáp nhập, giải thể Công ty do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định và thực hiện theo qui định của Luật Doanh nghiệp.
2. Việc tổ chức, sắp xếp lại cơ cấu bộ máy quản lý điều hành của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 88. Tổ chức lại, giải thể Công ty con (nếu có) do Công ty quyết định thành lập và đầu tư toàn bộ vốn điều lệ

Việc chia, tách, sáp nhập và giải thể các công ty con do Công ty quyết định thành lập hoặc thành lập mới của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 89. Phá sản

Công ty và các công ty con do Công ty quyết định thành lập nếu mất khả năng thanh toán nợ đến hạn thì xử lý theo quy định tại Luật phá sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 90. Phạm vi áp dụng

1. Điều lệ này được áp dụng cho Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vet va co. Tất cả các cổ đông của Công ty, công ty con (nếu có) do Công ty quyết định thành lập và đầu tư toàn bộ vốn điều lệ, người đại diện quản lý phần vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này.
2. Điều lệ này là văn bản có hiệu lực thi hành cao nhất trong Công ty, mọi văn bản khác phải phù hợp với Điều lệ này. Các nội dung không quy định tại Điều lệ này sẽ được áp dụng theo các qui định của pháp luật có liên quan. Các nội dung quy định không chi tiết tại Điều lệ này sẽ được áp dụng theo các quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị của Công ty ban hành phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 91. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

1. Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung khi cần thiết. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ này, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
2. Hội đồng quản trị tùy theo từng điều kiện cụ thể xây dựng và ban hành các quy chế quản lý nội bộ. Nội dung các quy chế quản lý nội bộ không được trái với Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

Điều 92. Hiệu lực thi hành

1. Nội dung ghi trong Điều lệ này là văn bản cam kết của tất cả các cổ đông Công ty. Bất kỳ đối tượng nào mua cổ phần và trở thành cổ đông của Công ty sau khi Điều lệ này có hiệu lực thì đều được coi như cổ đông đó đã tán

thành Điều lệ này và từ bỏ mọi khiếu nại về nội dung Điều lệ này trước bất cứ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào.

2. Trong trường hợp có những qui định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những qui định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những qui định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh các hoạt động của Công ty.
3. Điều lệ này được đăng tải trên trang website của Công ty; lưu trữ tại Văn phòng Công ty và được gửi tới Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
4. Điều lệ này gồm có 14 chương và 92 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương Vetvaco thông qua vào hồigiờ ...phút, ngàytháng 6 năm 2021 có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm được thông qua.

Những qui định của Bản Điều lệ trước ngày thông qua Điều lệ này đều không còn hiệu lực.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Hà Nội, ngày *14* tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Công bố thông tin và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2010/QH14 ngày 26/11/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/2010/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc ban hành toàn văn các quy chế, bao gồm :

- Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Toàn văn Quy chế Công bố thông tin;
- Toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Quý cổ đông;
- Lưu HC

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Thanh Long

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Dự thảo)

Hà Nội, tháng 5/2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	1
Điều 3. Giải thích thuật ngữ.....	2
Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	4
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	11
Điều 15. Điều kiện làm việc Hội đồng quản trị.....	12
Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	14
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	16
Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	17

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm.....	17
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị..	18
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	19
<i>Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</i>	<i>20</i>
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 22. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc...	20
Điều 23. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát	21
Điều 24. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức Đảng, Đoàn thể Công ty	22
<i>Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</i>	<i>22</i>
Điều 25. Sửa đổi, bổ sung quy chế	22
Điều 26. Hiệu lực thi hành	22

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2000/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2014/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT - BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vetvaco;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung ương Vetvaco ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 tổ chức vào ngày/...../2021.

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1. Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- 2. Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị,

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu

trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “Công ty” là Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vetvaco;
 - b) “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty Cổ Phần Thuốc Thú y Trung ương Vetvaco;
 - c) "Người điều hành" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - d) “Điều lệ” là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó và được áp dụng tại thời điểm sản bản có hiệu lực.

Chương II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
- b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nghiên cứu, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;
- c) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu;

- d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các tổ chức khác (nếu có);
- e) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- f) Báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật về Chứng khoán;
- g) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 thành viên.
2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương pháp làm tròn xuống.
3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên của Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được làm thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 Công ty khác theo Điều lệ Công ty;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đề trình báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật quy định;
 - g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn chức hoặc bị miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức bằng văn bản gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng) mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;
 - b) Trường hợp khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3;
 - b) Trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng:
 - 10% < Số cổ phần < 30%: được đề cử 01 người vào Hội đồng quản trị.
 - 30% < Số cổ phần < 50%: được đề cử 02 người vào Hội đồng quản trị.
 - Số cổ phần > 50%: trở lên được đề cử 03 người vào Hội đồng quản trị.
2. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải

được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế này. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát của Hội đồng quản trị với người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
6. Trừ khi pháp luật có quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng

12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp đầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - f) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
 - g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Điều kiện làm việc Hội đồng quản trị

1. Đảm bảo vật chất
 - a) Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý Công ty.
 - b) Phòng Hành chính quản trị Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị.
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các Thành viên trong Ban Tổng Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.
2. Chỉ định Thư ký Công ty:

Hội đồng quản trị chỉ định 01 người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội

đồng quản trị và Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

3. Nghĩa vụ và quyền hạn của Thư ký:

- a) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc ban kiểm soát;
- b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp, ghi chép các biên bản họp;
- c) Tham dự các cuộc họp;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty, đảm bảo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; cung cấp bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Nhiệm vụ của Thư ký Công ty:

- a) Theo dõi chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị, lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị, chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của hội đồng quản trị;
- c) Soạn thảo các văn bản, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; giúp Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- d) Tổng hợp trình Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu được gửi cho Hội đồng quản trị;

- e) Bảo quản lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- f) Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;
- g) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- h) Được trực tiếp làm việc với các bộ phận, nhân viên của Công ty và các đơn vị trực thuộc để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về công việc được giao;
- i) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát giao và theo Điều lệ Công ty quy định.

Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
 - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữ các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng các phương tiện liên lạc thông tin khác kết

hợp với các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị hoặc là đại điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp;

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;
11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;

- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
 3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 4. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cũng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.
5. Công khai các lợi ích liên quan khác được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc là người tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; điều hành mọi hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.
2. Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện hoặc phát sinh những vấn đề không có lợi cho Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh, bổ sung, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền bảo lưu ý kiến.
3. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các vấn đề thuộc quyền quyết định, phê duyệt của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban hoặc các cuộc họp khác do Tổng Giám đốc chủ trì, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận tại cuộc họp.
5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 23. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị trong việc quản lý và điều hành Công ty.
4. Hội đồng quản trị tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị không gây cản trở hoạt động của Ban kiểm soát và việc kiểm tra của Ban kiểm soát không gây gián đoạn việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.
6. Hội đồng quản trị có thể tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát khi ban hành các quy chế, quy định và các quyết định quan trọng. Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề do Ban kiểm soát kiến nghị, trao đổi với Ban kiểm soát để thống nhất các nội dung sẽ đưa ra Đại hội đồng cổ đông.
7. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu có người hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 24. Mọi quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức Đảng, Đoàn thể Công ty

1. Hội đồng quản trị tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức Đảng, đoàn thể được thành lập và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ của tổ chức đó và phù hợp với Điều lệ Công ty.
2. Hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể không gây cản trở và ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Công ty.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện quy chế này, Hội đồng quản trị có thể xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vetvaco gồm 07 chương, 26 Điều, có hiệu lực từ ngày được Hội đồng quản trị ký ban hành.
2. Những nội dung khác về chế độ làm việc, thù lao của Hội đồng quản trị, nếu chưa đề cập trong quy chế, sẽ thực hiện theo các quy định có liên quan của Nhà nước, theo Điều lệ và các văn bản khác của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. /

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Dự thảo)

Hà Nội, tháng 5/2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty	2
Điều 3. Giải thích thuật ngữ.....	2
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	3
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 5. Hình thức họp thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 8. Đại diện theo ủy quyền	8
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 10. Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	9
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 12. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 15. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 16. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	13
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
MỤC 1. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	14
Điều 18. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 19. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	15

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 22. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 23. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 24. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 26. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	18
Điều 27. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	19
Điều 28. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	19
Điều 29. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
MỤC 2. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 30. Số lượng cuộc họp và thông báo họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 31. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường....	21
Điều 32. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát.....	21
Điều 33. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	21
Điều 34. Cách thức biểu quyết.....	21
Điều 35. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 36. Biên bản họp Hội đồng quản trị và thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.....	23
MỤC 3. ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
Điều 37. Đảm bảo vật chất.....	24
Điều 38. Chỉ định Thư ký Công ty.....	24
CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT.....	24
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	24
Điều 40. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu của thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát.....	26
Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 43. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	27
Điều 45. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	28
Điều 46. Tiền lương, thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....	28

CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	28
Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành Công ty	28
Điều 48. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng lao động với người điều hành Công ty.....	29
Điều 49. Các trường hợp xem xét miễn nhiệm người điều hành.....	30
Điều 50. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	31
Điều 51. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	31
Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	32
Điều 53. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc	32
CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	33
Điều 54. Mối quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc ...	33
Điều 55. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	33
Điều 56. Tiêu chuẩn đánh giá và cách thức thực hiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	34
Điều 57. Hình thức khen thưởng và kỷ luật	35
Điều 58. Tổ chức bộ máy đánh giá khen thưởng, kỷ luật.....	36
Điều 59. Phân cấp đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.....	36
CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	37
Điều 60. Công bố thông tin về quản trị Công ty	37
Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	37
Điều 62. Hiệu lực thi hành	37

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2014/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT - BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco;

Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 tổ chức vào ngày/6/2021.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1. Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và Người điều hành khác; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và Người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

- 2. Đối tượng áp dụng:** Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty đối với Công ty Vetvaco và áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người liên quan.
5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
6. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “Công ty” là Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco;
 - b) “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách công khai, minh bạch và hiệu quả. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông Công ty và những người liên quan đến Công ty;
 - c) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - d) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công ty trong các trường hợp được quy định tại Khoản 22, Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - e) “Cán bộ quản lý cấp cao” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức vụ quản lý khác có thẩm quyền nhân danh ký kết giao dịch của Công ty theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Công ty tùy từng thời điểm (nếu có);

- f) "Người điều hành" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - g) "Cán bộ quản lý" là các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - h) "Điều lệ" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - i) "Cổ đông" là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
 - j) "Đại hội đồng Cổ đông" là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó và được áp dụng tại thời điểm văn bản có hiệu lực.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới việc giải thích và nội dung các điều khoản trong Quy chế.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được thực hiện tất cả các quyền hạn của mình mà không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của Hội đồng quản trị theo Quy chế này.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
 - r) Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại Khoản 4 Điều này;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.
4. Giao dịch theo quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020:
- a) Chấp thuận các khoản vay hoặc bảo lãnh cho người quản lý Công ty không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
 - b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất trong các đối tượng sau:
 - Người quản lý cấp cao Công ty và người có liên quan của đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và cổ đông sở

hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

5. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Hình thức họp thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ tình hình thực tế và quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết bằng một trong các hình thức:

1. Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến.
4. Hội nghị trực tuyến.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Thăm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp).
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.
7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.
8. Điều kiện tiên hành.
9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10. Cách thức bỏ phiếu.
11. Cách thức kiểm phiếu.
12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.
13. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo Điều 15 của Quy chế này.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thâm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều 12 Điều lệ Công ty.

2. Danh sách cổ đông:

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp theo yêu cầu của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân: tên, mã số, số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, trong đó nêu rõ các nội dung ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện các quyền, ngày giao dịch mà người mua không được hưởng quyền, lý do và mục đích họp cũng như thời gian, địa điểm và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và

đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của từng ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân/chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Mục 1.2 Khoản 1 Điều 12 Điều lệ Công ty;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Người được cổ đông ủy quyền không được phép ủy quyền lại cho người khác

đồng thời không được quyết định vượt quá phạm vi được ủy quyền. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c) Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đăng ký tham dự cuộc họp chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo mẫu chỉ định của Công ty theo Điều 8 Quy chế này.
2. Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Đến đăng ký trực tiếp tại Công ty;
 - b) Gửi đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự theo đường bưu điện;
 - c) Gửi đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự qua fax, qua thư điện tử;
 - d) Đăng ký tham dự qua điện thoại cho người hoặc bộ phận được Công ty chỉ định theo thông báo mời họp.

Điều 10. Trình tự, thủ tục và các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Người đến dự họp đăng ký nhận tài liệu, phiếu biểu quyết;
 - b) Ban tổ chức kiểm tra tư cách người đến dự họp;

- c) Ban tổ chức báo cáo kết quả kiểm tra tư cách người đến dự họp và các điều kiện để tiến hành cuộc họp, tuyên bố cuộc họp đủ hoặc không đủ điều kiện để tiến hành;
- d) Ban tổ chức biểu quyết thông qua: Đoàn chủ tọa, ban kiểm phiếu và Trưởng Ban kiểm phiếu;
- e) Đoàn chủ tọa cử Ban thư ký;
- f) Người triệu tập cuộc họp khai mạc và công bố chương trình, nội dung cuộc họp;
- g) Đại hội đồng cổ đông thông qua chương trình và nội dung, xác định rõ chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong chương trình;
- h) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trình bày báo cáo;
- i) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả biểu quyết của các vấn đề được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;
- j) Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
- k) Bế mạc.

2. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;
- b) Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- c) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội.
3. Quy định cụ thể về kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu:
 - a) Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu phải tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết.
 - b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo tỷ lệ phiếu quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp, tỷ lệ cụ thể theo quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 12 Quy chế này.
 - c) Kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Điều kiện để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp:
 - a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần chào bán, thay đổi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu quản lý doanh nghiệp, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty tính theo Báo cáo tài chính năm trước đó được kiểm toán được thông qua khi có 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

- b) Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm c Khoản 2 Điều này.
 - c) Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 - d) Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự thủ tục triệu tập họp thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
3. Các nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, ngoại trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty. Các nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 2. Biên bản phải tuân thủ nội dung và thể thức quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông là cơ sở để ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm được thông qua.

Điều 15. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu Thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp.
2. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản trong kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Các hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MỤC 1. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu của thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.
 - b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
 - c) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên của Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương pháp làm tròn xuống.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của Công ty và phải là cổ đông của Công ty;
 - c) Thành viên của Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác nhưng không được làm thành viên Hội đồng quản trị của quá 05 Công ty khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - d) Các điều kiện khác do pháp luật quy định.

Điều 19. Ứng cử, đề cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện

nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ học vấn;
 - c) Trình độ chuyên môn;
 - d) Quá trình công tác;
 - e) Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i) Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và theo Mục 1.3 Khoản 1 Điều 12 Điều lệ Công ty.
 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật; các thông tin công bố thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 20. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho

thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc theo Điều lệ Công ty.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - d) Thành viên đó (i) bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, (ii) có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ;
 - e) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - f) Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng được quy định tại Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 22. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng:
 - $10\% < \text{Số cổ phần} < 30\%$: được đề cử 01 người vào Hội đồng quản trị.
 - $30\% < \text{Số cổ phần} < 50\%$: được đề cử 02 người vào Hội đồng quản trị.

- Số cổ phần > 50%: trở lên được đề cử 03 người vào Hội đồng quản trị.
- 2. Các cổ động phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ động dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
- 3. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
- 4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra còn phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

- c) Báo cáo Hội đồng quản trị kịp thời và đầy đủ các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;
- d) Báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động Công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
5. Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
6. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Điều 26. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 27. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị.
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, Công ty do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.
6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
7. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 28. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên của Hội đồng quản trị.
 - b) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì bầu chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp mà có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỉ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- c) Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.
 - d) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
2. Miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác thì quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 29. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 48 Điều lệ Công ty.

MỤC 2. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Số lượng cuộc họp và thông báo họp Hội đồng quản trị

- 1. Hội đồng quản trị phải họp mỗi quý 1 lần và có thể họp bất thường.
- 2. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- 3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

Điều 31. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
2. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
3. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 32. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự họp dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 33. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 34. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 12 Điều 28 Điều lệ Công ty;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại Khoản 2 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 35. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
4. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản:
 - a) Việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định về một hoặc một số vấn đề được thực hiện trong thời gian giữa 2 phiên họp của Hội đồng quản trị;
 - b) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến hoặc không lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản các thành viên Hội đồng quản trị, việc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát hành phiếu biểu quyết và được quản lý, lưu giữ như biên bản họp Hội đồng quản trị;

- c) Kết quả lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị được Thư ký Hội đồng quản trị tổng hợp thành biên bản và nghị quyết;
- d) Quyết định được thông qua Hội đồng quản trị theo hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản có giá trị như quyết định được các thành viên của Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:
 - Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với từng vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Điều 36. Biên bản họp Hội đồng quản trị và thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian, địa điểm họp;
 - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có

đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản họp Hội đồng quản trị là cơ sở để ban hành nghị quyết của Hội đồng quản trị.

MỤC 3. ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Đảm bảo vật chất

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý Công ty.
2. Phòng Hành chính quản trị của Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 38. Chỉ định Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định 01 người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Quyền của Ban kiểm soát:
 - a) Tham gia, thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
 - b) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin đầy đủ kịp thời theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

- c) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết;
- d) Yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty;
- e) Quyền được cung cấp thông tin của ban kiểm soát được quy định tại Điều 171 Luật doanh nghiệp.
- f) Các quyền khác theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- a) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh; thực trạng tài chính của Công ty;
- b) Giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- c) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ của Công ty;
- d) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;
- e) Giám sát hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan;
- f) Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; hợp đồng, giao dịch mua, bán; hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;
- g) Thực hiện nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Ban kiểm soát:

- a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình;
- b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Công ty và cổ đông. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

- c) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này;
- e) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 40. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu của thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2. Tiêu chuẩn:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- c) Không được giữ chức vụ điều hành Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty quy định.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định đối với ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 19 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện tương tự cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 20 Quy chế này.

Điều 44. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Thực hiện tương tự cách thức thông báo quy định tại Điều 23 Quy chế này.

Điều 46. Tiền lương, thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn người điều hành Công ty

1. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc và điều kiện làm Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định tại Điều 64 và Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.
 - b) Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.
 - c) Trình độ, kinh nghiệm:
 - Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất 05 năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Trưởng phòng Tài chính Kế toán của Công ty:
- a) Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty có tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.
 - b) Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của Công ty.
 - c) Về trình độ:
 - Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.
 - Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm 05 năm tính đến ngày được bổ nhiệm.
4. Người điều hành khác: Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm như tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc.

Điều 48. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng lao động với người điều hành Công ty

1. Thẩm quyền bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm người điều hành Công ty.
2. Trình tự bổ nhiệm:
 - a) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty, căn cứ theo tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc quy định tại Điều 64 và Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp. Căn cứ đề xuất của thành viên Hội đồng quản trị đối với việc bổ nhiệm,

- miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị thông qua đề xuất bằng nghị quyết và thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động bằng quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Căn cứ đề xuất bằng văn bản của Tổng Giám đốc đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng lao động đối với những người điều hành khác, Hội đồng quản trị thông qua đề xuất bằng nghị quyết và thực hiện việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động bằng quyết định;
 - c) Hội đồng quản trị xem xét các đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian hợp lý. Việc xem xét có thể căn cứ thêm từ các thông tin khác hoặc từ việc tổ chức trao đổi, lấy ý kiến.
 - d) Nếu đề xuất được thông qua, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động phải được thực hiện ngay trong thời gian sớm nhất có thể. Nếu đề xuất không được thông qua, Hội đồng quản trị phải trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và các vấn đề liên quan.
 - e) Người điều hành Công ty bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng nếu không hoàn thành trách nhiệm của mình như yêu cầu hay theo quy định trong hợp đồng lao động.
3. Thông tin việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty được thông báo trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, những người điều hành còn lại và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Tiền lương của những người điều hành Công ty do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, phù hợp với quỹ lương hàng năm do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 49. Các trường hợp xem xét miễn nhiệm người điều hành

- 1. Đối với Tổng Giám đốc:
 - a) Để doanh nghiệp thua lỗ 02 năm liên tiếp;
 - b) Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c) Tư lợi cá nhân, vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - d) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

- e) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Đối với những người điều hành khác: Do Tổng Giám đốc Công ty đề nghị.

Điều 50. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

- 1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
- 2. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.

Điều 51. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

- 1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
- 2. Tiêu chuẩn là ứng cử viên Tổng Giám đốc:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự theo Điều 64 và Khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
 - b) Cán bộ quản lý cấp cao không được đồng thời làm Tổng Giám đốc tại doanh nghiệp khác. Những người liên quan đến cán bộ quản lý cấp cao không được làm giám đốc tại các doanh nghiệp liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty.
- 3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc:
 - a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, mức lương, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thù lao, mức lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- b) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.
- c) Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
 - Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
- d) Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 52. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc

1. Công ty trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Mức tiền lương, thù lao, quyền lợi và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
3. Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 54. Môi quan hệ công việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
2. Tổng giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.
3. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

Điều 55. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
2. Đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
3. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính

trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

4. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của Người điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người điều hành với những nơi họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích nhằm phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn ngừa những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;
5. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, tham vấn Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;
6. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính Kế toán và các cán bộ quản lý điều hành khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
7. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.
8. Tổng Giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp để xin ý kiến, nếu:
 - a) Việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị gặp khó khăn hoặc không thực hiện được.
 - b) Quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc

Điều 56. Tiêu chuẩn đánh giá và cách thức thực hiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:
 - a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao đúng theo quy định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
 - b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty:

- a) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành đối với lĩnh vực được phân công phụ trách, thực hiện tốt và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, kế hoạch được giao;
- b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo mang lại lợi ích thiết thực, chính đáng cho các cổ đông, cán bộ, nhân viên và vì sự phát triển của Công ty;
- c) gương mẫu trong làm việc và đạo đức, lối sống;
- d) Không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên

3. Tiêu chuẩn đánh giá:

- a) Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.
- b) Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.
- c) Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý (do Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm) trên cơ sở căn cứ vào các quy định của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng phòng ban/đơn vị/toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các mức sau:
 - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - Hoàn thành nhiệm vụ
 - Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 57. Hình thức khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng:

- a) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Khoản 3 Điều 56 Quy chế này.
- b) Chế độ khen thưởng:
 - Bằng tiền.

- Bằng cổ phiếu hoặc hình thức khác (nếu có).
- Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.
- Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

2. Xử lý vi phạm kỷ luật:

- a) Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cần trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Tổ chức bộ máy đánh giá khen thưởng, kỷ luật

1. Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng gồm đại diện Công đoàn và Giám đốc các phòng chuyên môn có liên quan.
2. Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty xây dựng quy chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp với các đối tượng và điều kiện thực tế của Công ty.

Điều 59. Phân cấp đánh giá, khen thưởng và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định khen thưởng kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
Hình thức khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên ban Kiểm soát áp dụng theo các chế độ khen thưởng và kỷ luật của Công ty.
2. Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật Công ty quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các cấp còn lại.

3. Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy trình xử lý kỷ luật của Công ty do Tổng Giám đốc xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 60. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Tổng Giám đốc xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.
2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm công bố thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện quy chế này, Hội đồng quản trị có thể xem xét trình Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động của sản xuất kinh doanh của Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập tới trong Quy chế này hoặc có những quy định của pháp luật được sửa đổi bổ sung khác với những quy định của Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh trong hoạt động của Công ty.

Điều 62. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 7 Chương 62 Điều, và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này, Ban Kiểm soát kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT**

(Dự thảo)

Hà Nội, tháng 5/2021

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	1
Điều 3. Giải thích thuật ngữ	2
Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Chương III. BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 12. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	6
Điều 13. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	8
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát	8
Điều 15. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát	9
Điều 16. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	9
Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát	10
Điều 18. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	10
Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 19. Trình báo cáo hàng năm	10
Điều 20. Thủ lao và quyền lợi khác	11
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan.....	11
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành	12
Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	12
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 25. Hiệu lực thi hành	12

(Dự thảo sửa đổi)

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương VETVACO;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương VETVACO.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương VETVACO bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước

Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty Cổ Phần Thuốc Thú Y Trung Ương Vetvaco;
- b) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến Công ty trong các trường hợp được quy định tại Khoản 22, Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- c) “Người điều hành” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty;
- d) “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức vụ quản lý khác có thẩm quyền nhân danh ký kết giao dịch của Công ty theo Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Công ty tùy từng thời điểm (nếu có)
- e) “Điều lệ” là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua
- f) “Cổ đông” là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
- g) “Đại hội đồng Cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó và được áp dụng tại thời điểm văn bản có hiệu lực.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới việc giải thích và nội dung các điều khoản trong Quy chế.

Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn

trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác;
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị; hoạt động điều hành của Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc; hoạt động của các đơn vị thành viên Công ty trong hoạt động tài chính, chấp hành nội dung Điều lệ công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

3. Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 10 của Điều lệ công ty.

5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 1.2 khoản 1 điều 10 của Điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Kiến nghị với Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác có hành vi vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và khắc phục hậu quả. Sau bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và khắc phục hậu quả, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với cơ quan pháp luật để xử lý.

8. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

10. Báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý và hàng năm theo vụ việc về kết quả kiểm tra, giám sát của mình; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản trị về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong Công ty.

11. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.

12. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, giám sát khi chưa được Đại hội đồng cổ đông cho phép; phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật nếu cố ý bỏ qua hoặc bao che những hành vi vi phạm pháp luật. Không được tiết lộ bí mật của Công ty.

13. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề liên quan đến công tác kiểm toán.

14. Chủ trì, phối hợp với Kế toán trưởng và các bộ phận liên quan để thảo luận với đơn vị kiểm toán, kiểm toán viên về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; những vấn đề khó khăn, tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên muốn bàn bạc.

15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty. Không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát bầu một thành viên trong Ban làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải có chuyên môn về tài chính kế toán hoặc kiểm toán.

2. Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các đơn vị, bộ phận và cán bộ quản lý, nhân viên trong Công ty cung cấp những thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải có các nội dung tối thiểu sau :

- Hoạt động của Ban Kiểm soát;

- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;

- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

- Kết quả giám sát đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty;

- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông.

d) Tổ chức giám sát việc tuân thủ theo nội dung Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, các quy định của pháp luật có liên quan đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc và người lao động trong Công ty.

Điều 15. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc của Ban kiểm soát.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 18. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 20. Thù lao và quyền lợi khác

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương VETVACO bao gồm 07 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO**

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 32, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Dự thảo)

Hà Nội, tháng 5/2021

MỤC LỤC

<i>PHẦN MỞ ĐẦU</i>	<i>1</i>
<i>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</i>	<i>1</i>
Điều 1. Mục đích	1
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin.....	5
<i>CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN</i>	<i>6</i>
Điều 7. Công bố thông tin định kỳ	6
Điều 8. Công bố thông tin bất thường.....	7
Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu	11
Điều 10. Công bố thông tin của các đối tượng khác	11
Điều 11. Tạm hoãn công bố thông tin	11
<i>CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</i>	<i>11</i>
Điều 12. Quy trình công bố thông tin.....	11
Điều 13. Trách nhiệm của người công bố thông tin	12
Điều 14. Trách nhiệm phối hợp giữa các phòng ban liên quan	12
<i>CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN</i>	<i>12</i>
Điều 15. Triển khai thực hiện	12
Điều 16. Xử lý vi phạm về công bố thông tin	12
Điều 17. Sửa đổi, bổ sung quy chế	13
Điều 18. Hiệu lực thi hành.....	13

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản sửa đổi bổ sung vào từng thời điểm;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBCK ngày 31/3/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về ban hành quy chế hướng dẫn Công ty đại chúng sử dụng hệ thống công bố thông tin (IDS) của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco;

Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco áp dụng Quy chế Công bố thông tin nhằm đảm bảo thực hiện công bố thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cách thức, trình tự thực hiện việc công bố các thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

- Người thực hiện công bố thông tin;
- Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- Cổ đông, nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công ty đại chúng là công ty cổ phần thuộc một trong ba trường hợp sau đây:

- Công ty đã thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Công ty có cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch Chứng khoán.
- Công ty có cổ phiếu được ít nhất một trăm nhà đầu tư sở hữu, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và có vốn điều lệ đã góp từ 10 tỷ đồng Việt Nam trở lên.

2. Người nội bộ công ty đại chúng là:

- Thành viên Hội đồng quản trị;
- Thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Trưởng phòng Tài chính kế toán;
- Người đại diện theo pháp luật.

3. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
 - d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
 - e) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
 - g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, e và f khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.
4. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
5. Các chữ viết tắt:
- UBCKNN: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
 - HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - VSD: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
 - IDS Pro: Hệ thống Công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - CBTT: Công bố thông tin
 - ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
 - HĐQT: Hội đồng quản trị
 - BCTC: Báo cáo tài chính

- BKS: Ban kiểm soát
- CPQ: Cổ phiếu quỹ
- GCNĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- CTĐC: Công ty đại chúng

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và đảm bảo:

- Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
- Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân/ Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, Địa chỉ liên lạc, Địa chỉ thường trú, Số điện thoại, Fax, Thư điện tử, Số tài khoản giao dịch chứng khoán, Số tài khoản lưu ký chứng khoán, Số tài khoản ngân hàng, Mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin.

3. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông

tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

4. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

- Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên các trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm;
- Các thông tin công bố thông tin bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu 05 năm.
- Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là Tiếng Việt.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

- Người thực hiện công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật hoặc là người được ủy quyền công bố thông tin.
- Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên Ban điều hành được ủy quyền điều hành thời điểm đó có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

Điều 6. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời thông qua các phương tiện công bố thông tin sau:

1. Công ty Vetvaco đăng tải trong mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty (www.vetvaco.com.vn);
2. UBCKNN, HNX: Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán nhà nước (IDS Pro) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (CIMS).
3. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...) khi có yêu cầu.

Cách thức công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, HNX thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Công bố thông tin định kỳ gồm các nội dung sau:

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Hạn cuối là ngày 31 tháng 3 hàng năm. Trường hợp được UBCKNN chấp thuận gia hạn CBTT thì hạn cuối là ngày 10 tháng 4 của năm được chấp thuận. CBTT Báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
3	Tổ chức họp ĐHĐCĐ (*)	Hạn cuối là ngày 30 tháng 04 hàng năm
	Tài liệu họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ định kỳ hàng năm (Quy định cụ thể trong khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC).
4	Báo cáo tình hình quản trị Công ty: - 6 tháng - Năm	Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. - Hạn cuối là 30 tháng 07 hàng năm - Hạn cuối là 30 tháng 01 của năm tiếp theo
5	Hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn (nếu có)	Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được.
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (nếu có)	Khi có thay đổi liên quan đến giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các thay đổi liên quan khác đến tỷ lệ sở hữu này.

(*) Căn cứ Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020, Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố BCTC trong thời hạn nêu trên thì phải có văn bản gửi UBCKNN đề nghị xem xét gia hạn thời gian công bố BCTC.
3. Khi CBTT Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Công ty đồng thời phải giải trình khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, hoặc chuyển lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.
 - Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Công bố thông tin bất thường trong vòng 24 giờ đối với các trường hợp sau:
 - Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
 - Khi nhận được văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ thu hồi giấy phép hoạt động;
 - Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

- Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc hay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;
- Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ;
- Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày Công bố thông tin;
- Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, HNX Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III –Thông tư 96/2020/TT-BTC;
 - Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán;
 - Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
 - Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
 - Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
 - Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
 - Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;
 - Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Khi CBTT theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).
3. CBTT về ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - Việc công bố thông tin về ĐHĐCĐ bất thường thực hiện theo quy định tại mục 5, Khoản 1, Điều 7 Quy chế này;
 - Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty đại chúng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu
 - Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
 - Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 10, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HNX khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, HNX yêu cầu công bố, nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin của các đối tượng khác

1. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của 01 tổ chức phát hành hoặc từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng theo quy định tại Điều 31, Thông tư 96/2020/TT-BTC.
2. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều 33, Thông tư 96/2020/TT- BTC.

Điều 11. Tạm hoãn công bố thông tin

Trường hợp việc CBTT không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn...), người phụ trách công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN ngay khi xảy ra sự việc hoặc trước thời hạn CBTT đối với những trường hợp khác mà Công ty đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin và phải thực hiện CBTT ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục. Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của Công ty và UBCKNN, HNX trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 12. Quy trình công bố thông tin

Các bước thực hiện công bố thông tin như sau:

- Bước 1: Tiếp nhận thông tin công bố;

- Bước 2: Thực hiện các nội dung công bố thông tin;
- Bước 3: Xem xét, kiểm tra các nội dung công bố thông tin;
- Bước 4: Phê duyệt công bố thông tin;
- Bước 5: Công bố thông tin trên các phương tiện;
- Bước 6: Hậu kiểm công bố thông tin;
- Bước 7: Lưu trữ.

Điều 13. Trách nhiệm của người công bố thông tin

Kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, công bố, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm phối hợp giữa các phòng ban liên quan

1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của người công bố thông tin;
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của thông tin cung cấp cho người công bố thông tin.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào nội dung và quy trình công bố thông tin, các đối tượng liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến công bố thông tin chưa đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan.

Điều 16. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Các phòng ban, đơn vị và các cá nhân có hành vi dẫn đến việc Công ty vi phạm quy định của pháp luật về CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của công ty và pháp luật.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, Hội đồng quản trị có thể xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 04 chương, 18 điều, có hiệu lực từ ngày được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương Vetvaco ký ban hành. /

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

Hà Nội, ngày tháng 07 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG VETVACO

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thuốc thú y Trung ương VETVACO sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được ĐHĐCD thông qua ngày 29/8/2015;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VETVACO ngày/07/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (trương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 2. Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của ban Tổng giám đốc năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (trương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 3. Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (trương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 4. Đại hội đã nhất trí thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 5. Đại hội đã nhất trí thông qua Tờ trình về việc phê duyệt lựa chọn tổ chức kiểm toán năm 2021.

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 6. Đại hội đã nhất trí thông qua việc trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận năm 2020

Lợi nhuận sau thuế năm 2020:

- | | |
|-------------------------------------|------------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế năm 2020 | : 8.625.775.000 đồng |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển (30%) | : 2.587.733.000 đồng |
| - Trích quỹ khen thưởng (7%) | : 603.804.000 đồng |
| - Trích quỹ thưởng người quản lý | : 142.238.000 đồng |
| - Chia Cổ tức năm 2020 (61,35%) | : 5.292.000.000 đồng |
| - Tỷ lệ cổ tức | : 14,7% |
| - Lợi tức/ Cổ phiếu | : 1.470 đồng/ cổ phiếu |

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 7. Đại hội đã nhất trí thông qua tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

- | | |
|------------------------|------------------------|
| - Tổng doanh thu | : 195 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế | : tối thiểu 10 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ cổ tức | : tối thiểu 14% |

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 8. Đại hội đã nhất trí thông qua tờ trình về tiền lương; chế độ thù lao; tiền thưởng của công ty năm 2021 như sau:

1. Quỹ tiền lương kế hoạch:

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của Người lao động : 30,326 tỷ đồng
- Tổng quỹ lương và thù lao kế hoạch của Người quản lý : 1,75 tỷ đồng

2. Thù lao Hội đồng quản trị

- Thành viên HĐQT : 3.000.000 đ/tháng
- Trưởng BKS : 3.000.000 đ/tháng
- Thành viên BKS : 1.500.000 đ/tháng

3. Tiền lương, tiền thưởng của công ty năm 2021: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng theo mức lương đang thực hiện chi trả như năm 2020.

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 9. Đại hội đã nhất trí thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty theo luật doanh nghiệp số 59/2020/QH-14.

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 10. Đại hội đã nhất trí thông qua tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi, bổ sung ;Quy chế hoạt động của ban kiểm soát; Quy chế quản trị nội bộ công ty và Quy chế về công bố thông tin.

Số cổ đông “tán thành” là cổ đông (tương ứng với số cổ phần biểu quyết là: cổ phần, chiếm% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty)

Điều 11. Triển khai thực hiện Nghị quyết

1. Toàn văn Nghị quyết này đã được đọc và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VET VA CO và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sao, gửi đến các cổ đông của Công ty hoặc đăng trên website của Công ty bản Nghị quyết này.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông, người lao động Công ty cổ phần Thuốc thú y trung ương VET VA CO có trách nhiệm tổ chức thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các nội dung của Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Đảng ủy Công ty (thay b/c);
- Các cổ đông, phòng ban, PX;
- Đăng website Công ty;
- Lưu HC, HDQT Công ty.